

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ XUÂN TÙNG

**CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC MINH

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn “**Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn thành phố Hà Nội**” là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của **PSG.TS Nguyễn Đức Minh**.

Các số liệu trích dẫn trong luận văn dựa trên số liệu bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2016

Học viên

Lê Xuân Tùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	6
1.1. Khái niệm cưỡng chế thi hành án dân sự.....	6
1.2. Đặc điểm các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	7
1.3. Phân loại các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	9
1.4. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	16
1.5. Căn cứ của việc quy định các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.....	17
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ QUA THỰC TIỄN THỰC HIỆN Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI	20
2.1. Thực trạng pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.....	20
2.2. Thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội	50
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ..	57
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự.....	57
3.2. Yêu cầu đối với việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	64
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	67
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

DANH MỤC CÁC BẢNG

		Trang
2.1	Kết quả THADS giai đoạn 2011 - 2015 về việc	52
2.2	Kết quả THADS giai đoạn 2011 - 2015 về tiền	53
2.3	Kết quả việc tổ chức cưỡng chế thi hành án của toàn thành phố Hà Nội năm 2013 - 2015	54

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bản án, quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước, quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và quyết định của Trọng tài thương mại khi được chấp hành nghiêm chỉnh có tác động trực tiếp đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật và nhà nước. Vì thế, hoạt động thi hành án dân sự (THADS) mang ý nghĩa thực sự quan trọng trong việc giữ vững kỷ cương phép nước, củng cố trật tự pháp luật và giữ vững pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo cho quyền lực tư pháp được thực thi trên thực tế. Điều 106 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”.

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác này, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra mục tiêu trong những năm tới đây là phải: Xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành. Nhiều năm qua, Chính phủ đã xác định công tác THADS là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả nhằm tạo sự chuyển biến cơ bản trong công tác này. Luật thi hành dân sự ra đời cùng với một loạt các văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa các quy định của Luật này vào cuộc sống, đã đánh dấu bước đổi mới cơ bản điều chỉnh tất cả các lĩnh vực trong công tác thi hành án. Đồng thời xác định Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ quản lý Nhà nước thống nhất công tác thi hành án, từng bước xã hội hóa hoạt động thi hành án (THA).

Vì vậy, công tác THADS trong những năm qua đạt được một số kết quả đáng khích lệ, mà kết quả nổi bật nhất theo đánh giá của Chính phủ là: “Hệ thống cơ quan THADS được hình thành trong cả nước, công tác THADS đã được triển khai và hoạt động có hiệu quả bước đầu”. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác THADS hiện vẫn đang đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn với nhiều vấn đề tồn tại, bất cập đang đặt ra cần được giải quyết.

Vấn đề nóng bỏng của ngành THADS là số việc phải thi hành tồn đọng rất lớn. Điều này dẫn đến suy giảm hiệu lực của bản án cũng như tính tối cao của pháp luật. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng này là việc cơ quan THADS gặp rất nhiều vướng mắc, khó khăn trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành dứt điểm vụ việc. Thực trạng này, một phần xuất phát từ nguyên nhân: trình độ chuyên môn của lãnh đạo đơn vị, Chấp hành viên, cán bộ làm công tác THADS còn hạn chế, không cập nhật kiến thức mới. Mặt khác, là do chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, cũng như cơ quan hữu quan trong quá trình tổ chức thi cưỡng chế thi hành án. Và một nguyên nhân căn bản là sự thiếu đồng bộ của mỗi ngành luật và sự nhất quán của hệ thống văn bản từ luật đến các văn bản dưới luật. Và nhất là các quy định về cưỡng chế THADS chưa được hoàn thiện, hệ thống các văn bản pháp lý về THADS chưa đầy đủ, chậm được bổ sung, chưa sửa đổi kịp thời hoặc vừa ra đời đã lạc hậu so với thực tiễn sinh động; cơ chế áp dụng pháp luật thi hành án hiện nay chưa thực sự hợp lý, gây cản trở và làm giảm hiệu quả công tác THADS.

Cưỡng chế THADS là hoạt động thường xuyên được thực hiện trong công tác THADS. Áp dụng khi các bản án, quyết định không được tự nguyện thi hành. Hiệu quả của hoạt động cưỡng chế THADS ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác thi hành án.

Mặt khác, hoạt động cưỡng chế thi hành án tác động sâu rộng đến các quan hệ xã hội của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong bản án. Do đó, vấn đề cưỡng chế tài sản của người phải thi hành án phải được nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Với tất cả những lý do nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài “*Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn thành phố Hà Nội*” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

THADS là một lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm. Trước những đòi hỏi khách

quan của công tác THADS, đã có những công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này như:

- Đề tài: “*Hiệu quả áp dụng pháp luật trong thi hành án dân sự ở Việt Nam*” luận án tiến sĩ luật học của tác giả Đặng Đình Quyền năm 2012.

- Đề tài: “*Biện pháp cưỡng chế, kê biên tài sản trong thi hành án dân sự*” luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thanh Phong, năm 2011.

- Đề tài: “*Cưỡng chế thi hành án dân sự, những vấn đề lý luận và thực tiễn*” khoá luận tốt nghiệp của tác giả Dương Thu Hương, năm 2010.

- Đề tài: “*Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội*” luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Lê Đình Nam, năm 2012.

- Đề tài: “*Thực hiện pháp luật về thi hành án dân sự ở thành phố Hà Nội hiện nay*” luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thị Kim Tuyền, năm 2010.

- Đề tài: “*Pháp chế Xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thi hành án dân sự ở nước ta hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Luật học tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh của tác giả Nguyễn Quang Thái, năm 2008.

- Đề tài: “*Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Luật học tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh của tác giả Nguyễn Thanh Thủy, năm 2008.

Nhìn chung, các công trình khoa học trên đây đã nghiên cứu và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thi hành án dân sự nói chung, cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu dưới góc độ lý luận và thực tiễn đặc thù trong quá trình áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án tại thành phố Hà Nội. Vì vậy, sau khi nghiên cứu, tiếp thu, kế thừa các quan điểm khoa học của các công trình khoa học trên, tác giả xác định việc nghiên cứu chuyên sâu về áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án từ thực tiễn thành phố Hà Nội là điều cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở kế thừa và làm rõ những vấn đề lý luận về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, luận văn đánh giá thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án qua thực tiễn tại thành phố Hà Nội, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ

- Làm rõ cơ sở lý luận về các biện pháp cưỡng chế THADS.
- Đánh giá toàn diện thực trạng pháp luật về THADS, thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế THADS trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Phân tích những khó khăn, vướng mắc qua thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế THADS.
- Tìm ra những phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp cưỡng chế THADS trên địa bàn thành phố Hà Nội để có thể nhân điển hình đến các cơ quan THADS trong cả nước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đề tài này đi sâu nghiên cứu, phân tích về các biện pháp thi hành án dân sự từ cơ sở lý luận khoa học, từ các quy định của pháp luật hiện hành đến thực tiễn thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự trong quá trình tổ chức thi hành án tại các cơ quan thi hành án dân sự thành phố Hà Nội hiện nay.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Luận văn phân tích, đánh giá về thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự theo pháp luật Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận văn vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, hệ thống các quan điểm, học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn được tiến hành nghiên cứu dựa trên các phương pháp nghiên cứu tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá số liệu thu thập được liên quan đến pháp luật và thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự qua thực tiễn thực hiện ở thành phố Hà Nội

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về lý luận: luận văn góp phần làm rõ thêm khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nội dung của các biện pháp cưỡng chế THADS và cơ sở của việc quy định các biện pháp này; luận văn phân tích, đánh giá đúng thực trạng các quy định của Luật THADS về các biện pháp cưỡng chế THADS và thực tiễn áp dụng quy định các biện pháp cưỡng chế THADS trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về thực tiễn: từ những phân tích, đánh giá thực trạng, luận văn đề xuất được những kiến nghị, giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật về các biện pháp cưỡng chế THADS và kinh nghiệm vận dụng những kiến nghị, giải pháp cụ thể đó vào thực tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác THADS tại thành phố Hà Nội nói riêng cũng như trong công tác THADS nói chung tại các địa phương trong cả nước.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần chính của luận văn có 03 chương với các nội dung cơ bản gồm:

Chương 1. Cơ sở lý luận của các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Chương 2. Thực trạng pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự qua thực tiễn thực hiện ở thành phố Hà Nội

Chương 3. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÁC BIỆN PHÁP

CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái niệm cưỡng chế thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự là quá trình thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên đã được bản án, quyết định của Tòa án ghi nhận. Trong thi hành án dân sự, các bên đương sự có quyền tự định đoạt, thỏa thuận với nhau nhằm thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự theo bản án, quyết định của Tòa án. Tự nguyện thi hành án dân sự đã trở thành như một nguyên tắc, biện pháp quan trọng trong hoạt động thi hành án dân sự.

Khi người phải thi hành án được Chấp hành viên giải thích, thuyết phục tự nguyện thi hành án những vẫn tìm mọi cách trì hoãn, trốn tránh để không tự nguyện thi hành, thì buộc cơ quan thi hành án phải tổ chức cưỡng chế thi hành.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 - Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Tại điều 45 và Điều 46 - Luật thi hành án dân sự cũng quy định sau khi hết thời gian tự nguyện thi hành án là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không thi hành hoặc trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án, thì Chấp hành viên có quyền áp dụng kịp thời các biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Như vậy, cưỡng chế thi hành án dân sự là biện pháp thi hành án dân sự dùng quyền lực của nhà nước, nhằm buộc người phải thi hành án dân sự thực hiện những hành vi hoặc nghĩa vụ về tài sản theo bản án, quyết định của tòa án; Cưỡng chế thi hành án dân sự do chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự quyết định áp dụng theo thẩm quyền trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện thi hành án, đã được thông báo hợp lệ, đã hết thời gian tự nguyện thi hành án mà không tự nguyện thi hành; Hoặc trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án dân sự tẩu tán, hủy hoại tài sản [16, tr.72].

Cách hiểu này tuy chỉ mang tính tương đối nhưng nó đã xác định được:

Chủ thể áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự được trao quyền áp dụng trong từng vụ việc thi hành án dân sự cụ thể.

Khách thể của biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là trật tự thực thi những bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Đối tượng của biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân...là người phải thi hành án thực hiện những hành vi hoặc nghĩa vụ về tài sản theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Phương tiện của biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là quyền lực Nhà nước được quy định trong hệ thống văn bản pháp luật về thi hành án dân sự.

Mục đích của áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là ngăn chặn người phải thi hành án tẩu tán, hủy hoại tài sản và đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của Nhà nước, các tổ chức và công dân, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

1.2. Đặc điểm các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Thứ nhất, cưỡng chế thi hành án dân sự thể hiện quyền năng đặc biệt của Nhà nước và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của Nhà nước. Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải do cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Ở nước ta, thẩm quyền tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự thuộc về cơ quan Thi hành án dân sự.

Thứ hai, cưỡng chế thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Mọi hành vi gây cản trở, chống đối việc cưỡng chế thi hành án dân sự đều có thể bị phạt tiền hoặc bị đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Thứ ba, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải căn cứ căn cứ vào nội dung bản án, quyết định; quyết định thi hành án; tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; điều kiện của người phải thi hành án; yêu cầu bằng văn bản của

đương sự và tình hình thực tế của địa phương để lựa chọn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án [7, tr.11].

Thứ tư, chỉ được áp dụng biện pháp cưỡng chế sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án trừ trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Ngoài ra, Chấp hành viên không được tổ chức cưỡng chế thi hành án có huy động lực lượng trong thời gian 15 ngày trước và sau tết Nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách là người phải thi hành án; các trường hợp đặc biệt khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương [7, tr.11].

Thứ năm, đối tượng của cưỡng chế thi hành án dân sự là tài sản hoặc hành vi của người phải thi hành án và được thực hiện trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện thi hành.

Thứ sáu, khi áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, ngoài việc phải thực hiện các nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án, người phải thi hành án còn phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án [23, tr.70]; [7, tr.27-28].

Thứ bảy, các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự không những có hiệu lực với người phải thi hành án dân sự mà còn có hiệu lực cả với cá nhân, cơ quan tổ chức có liên quan.

Thứ tám, việc tổ chức cưỡng chế phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết khác [7, tr. 11]. Chấp hành viên phải ước tính giá trị tài sản để làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án.

Thứ chín, để thực hiện cưỡng chế thi hành án, các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự đều phải tuân thủ thủ tục và một số nguyên tắc chung như: xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án trước khi tiến hành cưỡng chế; xây

dựng kế hoạch cưỡng chế; thông báo hợp lệ các văn bản quyết định về thi hành án dân sự cho đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các cơ quan hữu quan theo luật định; Tuân thủ các quy định của pháp luật về thời hạn, thời hiệu trước, trong và sau khi cưỡng chế... [15, tr17]

1.3. Phân loại các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Tại Điều 71 Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định những biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự:

- (1) Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.
- (2) Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.
- (3) Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.
- (4) Khai thác tài sản của người phải thi hành án.
- (5) Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.
- (6) Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

Căn cứ vào đối tượng áp dụng cưỡng chế đối với tài sản là tiền để thi hành nghĩa vụ trả tiền có thể phân loại thành 5 biện pháp cưỡng chế như:

Biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản: Chấp hành viên ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Số tiền khấu trừ không được vượt quá nghĩa vụ thi hành án và chi phí cưỡng chế. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế có mở tài khoản tiền gửi tại nhiều Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác nhau thì chấp hành viên căn cứ số dư tài khoản để quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản đối với một tài khoản hoặc nhiều tài khoản để đảm bảo thu đủ tiền phải thi hành án và chi phí cưỡng chế thi hành án. Nội dung biện pháp này được quy định tại Điều 76, 77 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 21 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ; Điều 9, 10, 11 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 14/01/2014. Cơ quan, tổ chức đang quản lý tài

khoản phải khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định khấu trừ [4, tr.5-6].

Biện pháp cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án: Biện pháp này được quy định tại Điều 78 Luật Thi hành án dân sự 2008, Điều 11, 12 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐT BXH-NHNNVN ngày 14/01/2014. Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án đối với các khoản như: tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động và thu nhập hợp pháp khác. Việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án được thực hiện trong các trường hợp: Theo thỏa thuận của đương sự; Bản án, quyết định ấn định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; Thi hành án cấp dưỡng, thi hành án theo định kỳ, khoản tiền phải thi hành án không lớn hoặc tài sản khác của người phải thi hành án không đủ để thi hành án. Mức khấu trừ không được vượt quá 30% tổng số tiền được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Đối với thu nhập khác thì mức khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải thi hành án, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật [20, tr.64,65].

Biện pháp cưỡng chế thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án: Biện pháp này được quy định tại Điều 79 Luật Thi hành án dân sự, Điều 22 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ. Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp xác định được người phải thi hành án có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án theo định kỳ tùy theo tính chất ngành nghề kinh doanh của người phải thi hành án. Khi thu tiền chấp hành viên phải để lại số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người phải thi hành án và gia đình; Mức để lại phải đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo tính chất ngành, nghề của người phải thi hành án và đảm bảo mức sống tối thiểu cho người phải thi hành án và gia đình theo quy định về chuẩn nghèo của nhà nước [20, tr.65].

Biện pháp cưỡng chế thu tiền của người phải thi hành án đang giữ: đây là biện pháp được quy định tại Điều 80 Luật Thi hành án dân sự. Biện pháp này được áp

dụng trong trường hợp phát hiện người phải thi hành án đang giữ tiền mà có căn cứ xác định khoản tiền đó là của người phải thi hành án thì chấp hành viên ra quyết định thu tiền để thi hành án. Chấp hành viên lập biên bản thu tiền và cấp biên lai cho người phải thi hành án [20, tr.66].

Biện pháp cưỡng chế thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ: Nội dung này quy định tại Điều 81 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Điều 23 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ. Khi phát hiện người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án, chấp hành viên ra quyết định thu khoản tiền đó để thi hành án. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân đang phải trả tiền, tài sản cho người phải thi hành án mà khoản tiền tài sản đó đã được xác định bằng bản án, quyết định của Tòa án đang có hiệu lực pháp luật thì chấp hành viên yêu cầu tổ chức, cá nhân đó giao nộp số tiền, tài sản cho cơ quan thi hành án để thi hành án [7, tr.17].

Căn cứ vào đối tượng áp dụng cưỡng chế là tài sản khác (không phải là tiền) để thi hành nghĩa vụ trả tiền, có thể phân loại thành 4 biện pháp cưỡng chế như:

Biện pháp cưỡng chế thu giữ giấy tờ có giá: Được quy định tại Điều 82, 83 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp phát hiện người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu giữ giấy tờ đó để thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá không giao giấy tờ cho cơ quan thi hành án dân sự thì chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển giao giá trị của giấy tờ đó để thi hành án. [20, tr.66-67].

Biện pháp cưỡng chế đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ: Biện pháp này được quy định tại Điều 84, 85, 86 Luật Thi hành án dân sự, Điều 29,30,31 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ và quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Chấp hành viên ra quyết định kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án, kể cả quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án đã chuyển quyền sử dụng cho cơ quan tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp nhằm

bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật sở hữu trí tuệ mà Nhà nước quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì chấp hành viên không được kê biên quyền sở hữu trí tuệ trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao [20, tr.67-68].

Biện pháp cưỡng chế đối với tài sản là quyền sử dụng đất: Theo quy định tại Điều 110,111,112,113 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Theo đó, chấp hành viên chỉ kê biên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Người phải thi hành án chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai 2013, hoặc thuộc diện quy hoạch phải thu hồi đất, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì vẫn được kê biên, xử lý quyền sử dụng đất đó. Khi kê biên quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trường hợp đất của người phải thi hành án có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người khác thì chấp hành viên chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất [20, tr.85].

Biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản: được quy định tại Điều 107,108,109 Luật Thi hành án dân sự 2008. Theo đó, chấp hành viên cưỡng chế khai thác tài sản trong trường hợp tài sản của người phải thi hành án có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để thi hành án hoặc người được thi hành án đồng ý cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba. Tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế khai thác để thi hành án theo các hình thức: Tài sản mà người phải thi hành án đang trực tiếp khai thác hoặc cho người khác khai thác thì người đang khai thác được tiếp tục khai thác; Trường hợp tài sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất mà chưa khai thác thì chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án ký hợp đồng khai thác tài sản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác tài

sản. Người khai thác tài sản này phải nộp số tiền thu được từ việc khai thác tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự, sau khi trừ các chi phí cần thiết [20, tr.82-83].

Căn cứ vào đối tượng áp dụng biện pháp cưỡng chế là vật để thi hành nghĩa vụ trả vật theo nội dung được ghi cụ thể trong bản án, quyết định, có thể phân loại thành 04 biện pháp cưỡng chế như:

Biện pháp cưỡng chế trả vật: Nội dung này được quy định tại Điều 114 Luật Thi hành án dân sự 2008, khoản 38 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Theo đó, đối với vật đặc định, chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng trả vật cho người được thi hành án; nếu người đó không thi hành thì chấp hành viên thu hồi vật để trả cho người được thi hành án. Đối với vật cùng loại thì chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế theo nội dung bản án, quyết định. Trường hợp vật phải trả không còn hoặc bị hư hỏng, giảm giá trị thì xử lý theo thỏa thuận của đương sự [20, tr.88-89].

Biện pháp cưỡng chế trả nhà, giao nhà: Biện pháp này được quy định tại Điều 115 Luật Thi hành án dân sự 2008. Theo đó, Trường hợp người phải thi hành án có nghĩa vụ trả nhà thì chấp hành viên buộc người phải thi hành án và những người khác có mặt trong nhà ra khỏi nhà, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra khỏi nhà; nếu họ không tự nguyện thực hiện thì chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà.

Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm. Nghĩa vụ thi hành án còn lại được tiếp tục thực hiện theo quy định [20, tr.90-91].

Biện pháp cưỡng chế trả giấy tờ: Biện pháp này được thực hiện theo quy định tại Điều 116 được sửa đổi bổ sung tại khoản 39 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Theo đó, chấp hành viên

ra quyết định cưỡng chế buộc người phải thi hành án trả giấy tờ cho người được thi hành án. Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ giấy tờ phải trả thì chấp hành viên yêu cầu người đó giao giấy tờ đang giữ, nếu người thứ ba không tự nguyện giao thì chấp hành viên cưỡng chế buộc người đó giao giấy tờ để thi hành án. Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi được nhưng có thể cấp lại thì chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho người được thi hành án. [23, tr.45].

Biện pháp cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất: Nội dung này được quy định tại Điều 117 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Theo đó, chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất trong trường hợp bản án, quyết định tuyên nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất thì chấp hành viên tổ chức giao diện tích đất cho người được thi hành án. Khi tiến hành giao đất phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất được chuyển giao. Trường hợp quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất được chuyển giao hình thành sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì chấp hành viên yêu cầu người có tài sản đó tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao cho người được thi hành án. Trường hợp tài sản gắn liền với đất có trước khi có bản án, quyết định sơ thẩm nhưng bản án, quyết định được thi hành không tuyên rõ việc xử lý đối với tài sản đó thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích rõ việc xử lý đối với tài sản hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại nội dung bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm [20, tr.92-93].

Căn cứ vào đối tượng áp dụng biện pháp cưỡng chế là nghĩa vụ buộc thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định theo nội dung bản án, quyết định, có thể phân loại thành 04 biện pháp như:

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định: Biện pháp này được quy định tại Điều 118 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Theo đó, Trường hợp thi hành nghĩa vụ phải thực hiện công việc nhất định theo bản án, quyết định mà người phải thi hành án không thực hiện thì chấp hành viên quyết

định phạt tiền và ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Hết thời hạn đã ấn định mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Nếu công việc đó có thể giao cho người khác thực hiện thay thì chấp hành viên giao cho người có điều kiện thực hiện; chi phí thực hiện do người phải thi hành án chịu. Trường hợp công việc đó phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án [20, tr.93-94].

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định: Biện pháp này được quy định tại Điều 119 Luật Thi hành án dân sự 2008. Theo đó, người phải thi hành án không tự nguyện chấm dứt việc thực hiện công việc mà theo bản án, quyết định không được thực hiện thì chấp hành viên ra quyết định phạt tiền đối với người đó, trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu họ khôi phục hiện trạng ban đầu. Trường hợp người đó vẫn không chấm dứt công việc không được làm, không khôi phục lại hiện trạng ban đầu thì chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án [20, tr.94].

Biện pháp cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định. Biện pháp này quy định tại Điều 120 Luật Thi hành án dân sự 2008. Theo đó, chấp hành viên ra quyết định buộc giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định. Trước khi cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng, chấp hành viên phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương đó thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án hoặc người đang trông giữ người chưa thành niên không giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng thì chấp hành viên ra quyết định phạt tiền, ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng. Hết thời hạn đã ấn định mà người đó không thực hiện thì chấp hành viên tiến hành cưỡng chế buộc giao người chưa thành niên hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án [20, tr.94-95].

Biện pháp cưỡng chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc. Biện pháp này được quy định tại Điều 121 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Theo đó, trường hợp người sử dụng lao động không nhận người lao động trở lại làm việc theo bản án, quyết định thì chấp hành viên ra quyết định phạt tiền đối với người sử dụng lao động là cá nhân hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng lao động, đồng thời ấn định thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người sử dụng lao động thực hiện việc nhận người lao động trở lại làm việc. Trường hợp không thể bố trí người lao động trở lại làm công việc theo nội dung bản án, quyết định thì người sử dụng lao động phải bố trí công việc khác với mức tiền lương tương đương theo quy định của pháp luật lao động. Trường hợp người lao động không chấp nhận công việc được bố trí và yêu cầu người sử dụng lao động thanh toán các chế độ theo quy định của pháp luật lao động thì người sử dụng lao động phải thực hiện việc thanh toán để chấm dứt nghĩa vụ thi hành án [20, tr.95-96].

Ngoài các biện pháp cưỡng chế trên, Pháp luật về thi hành án dân sự còn quy định cưỡng chế thi hành án dân sự trong một số trường hợp cụ thể như: Kê biên, xử lý tài sản cầm cố thế chấp; Kê biên tài sản đang do người thứ ba giữ; Kê biên vốn góp; Kê biên phương tiện giao thông; Kê biên hoa lợi; Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói... Các trường hợp cụ thể này đều thuộc một trong số các biện pháp cưỡng chế ở trên.

1.4. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án chỉ được tiến hành khi có đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản hoặc phải thực hiện hành vi theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có liên quan đến tài sản của bên phải thi hành án của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và quyết định của trọng tài thương mại.

Thứ hai, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án là những người mà Chấp hành viên đã xác minh khẳng định được người đó có tài sản (trừ tài sản là tiền thì không áp dụng biện pháp cưỡng chế này). Tài sản của người phải thi hành án có

thể là động sản, bất động sản và kể cả quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất, vốn góp... theo quy định tại Mục 6 Luật THADS năm 2008.

Thứ ba, hết thời gian tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành.

Thời gian tự nguyện thi hành án quy định tại Điều 45 Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014 là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Nếu trong thời gian tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án mà không đạt được kết quả như mong muốn thì Chấp hành viên phải dùng đến quyền lực của nhà nước tức là áp dụng các biện pháp cưỡng chế để buộc người có nghĩa vụ phải thi hành theo đúng bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của cơ quan Thi hành án.

Thứ tư, chưa hết thời gian người phải thi hành án tự nguyện thi hành nhưng cần ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Trong thời gian tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án, nếu Chấp hành viên nhận thấy cần phải ngăn chặn hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên có quyền ra quyết định áp dụng ngay các biện pháp cưỡng chế thi hành án được quy định tại Chương IV Luật THADS theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.5. Căn cứ của việc quy định các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Hiến pháp năm 2013, Điều 106 quy định “*Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.*”

Bản chất của thi hành án là dạng hoạt động chấp hành nhưng là chấp hành phán quyết của cơ quan xét xử với các cách thức và biện pháp khác nhau nhằm buộc người có nghĩa vụ được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án phải thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình. Mục đích cuối cùng của thi hành án là bảo đảm cho các quyết định của Tòa án được ghi trong bản án, quyết định được thực thi trên thực tế.

Mặc dù cưỡng chế thi hành án không được Nhà nước khuyến khích nhưng người chấp hành viên cần phải xác định và cương quyết đến thời điểm nào khi mà việc giáo dục, thuyết phục hay nói cách khác khi nào biện pháp tự nguyện không đạt kết quả thì việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án là cần thiết để vừa giải quyết dứt điểm vụ việc, vừa có tác dụng giáo dục, răn đe những đối tượng phải thi hành án khác có điều kiện thi hành mà cố tình chây ỳ.

Quyền lợi của người phải thi hành án là một nội dung rất nhạy cảm, nó liên quan mật thiết với không những cả về lợi ích kinh tế mà nhiều khi còn liên quan đến cả yếu tố tinh thần... Mặt khác, đối với những vụ việc thi hành án thì các tranh chấp giữa người phải thi hành án và người được thi hành án thường có giá trị không nhỏ... Trong xu thế mở cửa, hội nhập phát triển kinh tế quốc tế, các tranh chấp phát sinh không chỉ trong phạm vi trong nước mà cả nước ngoài. Vì vậy, số việc phải thi hành án đang ngày càng lớn về giá trị tiền phải thi hành.

Xuất phát từ tính chất nhạy cảm, phức tạp, tầm quan trọng cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định hết sức chặt chẽ về điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tránh tình trạng cưỡng chế một cách bừa bãi, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân, gây mất lòng tin của nhân dân đối với cơ quan Nhà nước và ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội chung. Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là một trong những hoạt động quan trọng, nhằm khôi phục và bảo vệ các quan hệ xã hội bị xâm hại. Do đó, thi hành dứt điểm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay trên thực tế có ý nghĩa đặc biệt trong việc đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Hiệu quả của việc cưỡng chế thi hành án dân sự là cơ sở, tiền đề cho sự thành công và hiệu quả của một vụ thi hành án về tài sản khi đương sự không tự nguyện thi hành. Trong điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay, không phải bản án, quyết định có hiệu lực nào của cơ quan có thẩm quyền cũng có thể được tổ chức thi hành một cách thuận lợi. Do đó, các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự được sử dụng.

Kết luận chương 1

Thi hành án dân sự có vai trò quan trọng trong hoạt động tư pháp nói chung và quá trình giải quyết vụ án nói riêng. Bản án, quyết định của Tòa án chỉ thực sự có giá trị khi được thi hành trên thực tế. Hoạt động thi hành án là công đoạn cuối cùng, bảo đảm cho bản án, quyết định của Tòa án được chấp hành, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Các quy định về biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự đã có nhiều điểm mới hơn, chi tiết và cụ thể hơn so với các quy định trước đây. Việc nhận thức đúng về biện pháp cưỡng chế trong thi hành án là điều kiện rất cần thiết để các cơ quan nhà nước và nhân dân nắm rõ được quyền và nghĩa vụ của mình trong hoạt động THADS, để từ đó nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, hình thành thói quen “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, xây một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ QUA THỰC TIỄN THỰC HIỆN Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Thực trạng pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

2.1.1. Thực trạng các quy định chung của Luật thi hành án dân sự về cưỡng chế thi hành án dân sự

Trên cơ sở quy định tại Điều 46 Luật Thi hành án dân sự 2008 và Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ thì hết thời gian tự nguyện thi hành án, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế. Không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, không tổ chức cưỡng chế thi hành án có huy động lực lượng trong thời gian 15 ngày trước và sau tết Nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách, nếu họ là người phải thi hành án; các trường hợp đặc biệt khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương.

Có ba căn cứ để cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 70 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 là: Bản án, quyết định; Quyết định thi hành án; Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản và trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án [20, tr.58]. Để thực hiện cưỡng chế thi hành án dân sự cần phải tuân thủ những nguyên tắc chung theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự như:

**Xác minh điều kiện thi hành án trước khi tiến hành cưỡng chế.*

Xác minh điều kiện thi hành án dân sự là điều kiện bắt buộc và quyết định cho việc thực hiện cưỡng chế thành công hay không thành công. Công tác xác minh điều kiện thi hành án dân sự phải được thực hiện một cách khoa học, toàn diện, đầy đủ và tỉ mỉ, chi tiết tới từng nội dung và phù hợp theo đúng yêu cầu đặt ra của từng

việc cưỡng chế thi hành án cụ thể. Xác định được vai trò và tầm quan trọng của công tác xác minh điều kiện thi hành án, tại Điều 44 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự), Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ, Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 và mục 1 Chương II của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐT BXH-NHNNVN ngày 14/01/2014 quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến công tác xác minh thi hành án dân sự; Trách nhiệm của cá nhân tổ chức có liên quan đến công tác xác minh thi hành án dân sự. Theo đó, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay. Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình [15, tr.38].

**Lựa chọn biện pháp cưỡng chế.*

Nội dung này được quy định tại Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ. Theo đó, căn cứ nội dung bản án, quyết định; Trên cơ sở tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; điều kiện của người phải thi hành án; đề nghị của đương sự và tình hình thực tế của địa phương, chấp hành viên sẽ lựa chọn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án cho phù hợp. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành án [13, tr.10].

**Xác định loại tài sản không được kê biên, cưỡng chế.*

Theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án dân sự thì các loại tài sản sau không được kê biên, cưỡng chế: Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp

luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức. Tài sản của người phải thi hành án là cá nhân bao gồm: Số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải thi hành án và gia đình trong thời gian chưa có thu nhập, thu hoạch mới; Số thuốc cần dùng để phòng, chữa bệnh của người phải thi hành án và gia đình; Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm; Đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương; Công cụ lao động cần thiết, có giá trị không lớn được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người phải thi hành án và gia đình...[20, tr.69-70].

**Xây dựng kế hoạch cưỡng chế thi hành án.*

Đây là nội dung bắt buộc, được quy định cụ thể tại Điều 72 Luật Thi hành án dân sự 2008 - được sửa đổi bổ sung tại khoản 29 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Theo đó, chấp hành viên chỉ xây dựng kế hoạch cưỡng chế trong trường hợp cần huy động lực lượng; Thống nhất với cơ quan công an về bảo vệ cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Thông tư liên tịch 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an. Kế hoạch cưỡng chế phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nơi tổ chức cưỡng chế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án. Nội dung của kế hoạch cưỡng chế phải có tên người bị áp dụng cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế cần áp dụng, thời gian, địa điểm, phương án tiến hành cưỡng chế, dự trù chi phí cưỡng chế và yêu cầu về lực lượng tham gia bảo vệ cưỡng chế [23, tr.36].

**Thực hiện thông báo cưỡng chế thi hành án.*

Theo quy định tại Điều 39, 40, 41, 42, 43 Luật Thi hành án dân sự thì: việc thông báo phải được thực hiện trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản; Trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Việc thông báo được thực hiện qua ba hình thức đó là: thông báo trực tiếp hoặc qua cơ quan tổ chức các nhân khác theo quy định của pháp luật; Thực hiện niêm yết công khai hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc

thông báo thi hành án còn được quy định cụ thể tại Điều 12 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 giữa Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Việc thông báo phải được thực hiện dưới các hình thức cụ thể, phù hợp với tính chất đặc điểm của từng vụ việc thi hành án; từng đối tượng được thông báo [5, tr.4].

Đối với việc thi hành án dân sự có liên quan đến người nước ngoài mà cần phải thông báo thì cần phải thực hiện việc ủy thác tư pháp theo quy định tại Điều 181 Luật Thi hành án dân sự về vấn đề tương trợ tư pháp trong thi hành án dân sự và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ. Trường hợp việc thi hành án đang do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện tổ chức thi hành cần yêu cầu tương trợ tư pháp thì cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện lập hồ sơ ủy thác tư pháp và gửi cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh để thực hiện việc ủy thác tư pháp. Trình tự, thủ tục yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật về tương trợ tư pháp [7, tr.34-35].

**Chi phí cưỡng chế thi hành án*

Theo quy định tại Điều 73 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 30 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự và Điều 43 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ thì có 03 đối tượng phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án đó là: Người phải thi hành án, người được thi hành án và ngân sách nhà nước. Theo đó, người phải thi hành án phải chịu các chi phí: Chi phí thông báo về cưỡng chế thi hành án; Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án; Chi phí cho việc định giá, giám định tài sản, bán đấu giá tài sản; Tiền bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án... Người phải thi hành án chỉ phải chịu chi phí cho việc định giá lại tài sản khi có yêu cầu, trừ trường hợp việc định giá có vi phạm quy định về định giá, chi phí xây ngăn, phá dỡ trong trường hợp bản án xác định người được thi hành án phải chịu [7, tr.27]. Ngân sách nhà

nước trả chi phí cưỡng chế thi hành án trong các trường hợp như: Định giá lại tài sản khi có vi phạm quy định về định giá; Chi phí xác minh điều kiện thi hành án; Chi phí cần thiết khác theo quy định của Chính phủ; Trường hợp đương sự được miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật. Việc thông báo dự trừ chi phí cưỡng chế phải được thực hiện trước ngày cưỡng chế được ấn định ít nhất là 03 ngày trừ trường hợp phải áp dụng cưỡng chế ngay [13, tr.61].

**Phân chia, xử lý tài sản đối với tài sản thuộc sở hữu chung*

Việc phân chia, xử lý tài sản thuộc sở hữu chung được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự Khoản 31 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự và Khoản 2 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ. Theo đó, Cơ quan thi hành án dân sự chỉ kê biên, xử lý đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi các tài sản khác không đủ để thi hành án hoặc khi có đề nghị của đương sự theo quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định về thỏa thuận theo pháp luật thi hành án dân sự hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự [7, tr.18].

**Xử lý tài sản khi cưỡng chế có tranh chấp*

Theo quy định tại Điều 75 Luật Thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung tại khoản 32 Điều 1 của Luật số 64/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ, Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 thì: Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì việc xử lý tài sản được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì chấp hành viên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự [23, Tr.39]. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác [7, tr.17]. Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó [23, tr.40].

2.1.2.Thực trạng quy định về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

2.1.2.1. Biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

** Đối với việc khấu trừ tiền trong tài khoản được quy định tại Điều 76, 77 Luật THADS 2008, Điều 21 Nghị định số 62, Điều 9, 10 Thông tư liên tịch số*

02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 14/01/2014.

+ Ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản

Chấp hành viên ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Số tiền khấu trừ không được vượt quá nghĩa vụ thi hành án và chi phí cưỡng chế. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế có mở tài khoản tiền gửi tại nhiều Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác nhau thì Chấp hành viên căn cứ số dư tài khoản để quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản đối với một tài khoản hoặc nhiều tài khoản để đảm bảo thu đủ tiền phải thi hành án và chi phí cưỡng chế thi hành án (nếu có).

Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản phải ghi rõ các nội dung sau: Ngày, tháng, năm ban hành quyết định. Căn cứ ban hành quyết định. Họ tên Chấp hành viên. Họ tên người phải thi hành án. Số tài khoản của đương sự. Tên, địa chỉ Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác nơi mở tài khoản. Số tiền phải khấu trừ. Số tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự nhận khoản tiền bị khấu trừ và thời hạn thực hiện việc khấu trừ.

+ Thực hiện quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản

Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản phải khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định khấu trừ.

+ Chấm dứt khấu trừ tiền trong tài khoản

Việc phong tỏa tài khoản được chấm dứt trong các trường hợp sau đây: Người phải thi hành án đã thi hành xong nghĩa vụ thi hành án; Cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của Chấp hành viên về khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án; có quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa tài khoản ngay sau khi có căn cứ nêu trên.

** Cưỡng chế giấy tờ có giá được quy định tại Điều 82, 83 Luật THADS*

Trường hợp phát hiện người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu giữ giấy tờ đó để thi hành án. Người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án phải chuyển giao giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá không giao giấy tờ cho cơ quan thi hành án dân sự thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển giao giá trị của giấy tờ đó để thi hành án. Việc bán giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.1.2.2. Biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án

Biện pháp cưỡng chế này được quy định tại Điều 78 Luật THADS, Khi áp dụng biện pháp chỉ được áp dụng khi thỏa mãn một trong những điều kiện sau:

- Do đương sự thỏa thuận;
- Bản án, Quyết định của Tòa án ấn định biện pháp trừ vào thu nhập của người phải THA để THA;
- Thi hành án các khoản cấp dưỡng, THA theo định kỳ hoặc khoản tiền phải THA không lớn hoặc tài sản khác của người phải THA không đủ để THA.

Việc quy định cụ thể các điều kiện riêng của biện pháp cưỡng chế này là do tính đặc thù của nó. Hậu quả của biện pháp cưỡng chế này có thể gây ảnh hưởng lớn tới cuộc sống hàng ngày của bản thân người phải THA và gia đình của họ. Do khi thu nhập của người phải THA bị giảm quá 30% thì nguồn tài chính chi trả cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì vậy, khoản 3 Điều 78 Luật THADS đã quy định mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền người phải THA được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Đối với thu nhập khác thì mức khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải THA, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng. Việc xác định mức sinh hoạt tối thiểu của người phải THA và người mà người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, được căn cứ vào điều kiện cụ thể từng địa phương nơi họ sinh sống.

Thu nhập của người THA được Luật THADS quy định bao gồm: tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động và thu nhập hợp pháp khác. Các khoản thu nhập khác có thể là khoản thu nhập của cán bộ, công nhân trong các tổ chức kinh tế; thu nhập của xã viên hợp tác xã; tiền thưởng và các khoản thu nhập hợp pháp mà người phải THA được nhận từ một tổ chức, cá nhân quản lý thu nhập đó.

Một đặc điểm nổi bật trong hoạt động thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế này là chỉ áp dụng với thể nhân mặc dù trong nội dung điều luật chỉ quy định chung là người phải THA, mà người phải THA thì bao gồm cả thể nhân và pháp nhân. Với việc Luật THADS đưa ra khái niệm thu nhập nhấn mạnh vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu thì chỉ có thể nhân mới là đối tượng được hưởng các loại hình thu nhập này chứ không phải là pháp nhân.

Ví dụ: Để thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, Chấp hành viên ban hành quyết định cưỡng chế khấu trừ vào thu nhập và người sử dụng lao động phải khấu trừ tiền lương hàng tháng của người phải THA để chuyển tiền cho cơ quan THA. Việc này có thể diễn ra từ vài tháng cho đến nhiều năm.

Trong thực tế áp dụng tại thành phố Hà Nội, tác giả nhận thấy nghĩa vụ cấp dưỡng thường phát sinh từ các bản án, quyết định hình sự và bản án, quyết định hôn nhân gia đình. Nhưng trong các bản án, quyết định hình sự thì rất hiếm khi áp dụng biện pháp cưỡng chế này vì phần lớn người phải THA đang thi hành án phạt tù và không có tài sản cũng như thu nhập để thực hiện được việc cưỡng chế. Còn đối với các bản án, quyết định hôn nhân gia đình thì thường người phải THA tự nguyện thi hành. Vì vậy, rất ít vụ việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế này. Một điểm đặc biệt là việc thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thường được tổ chức thi hành tại cơ quan THA cấp quận, huyện cho dù bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan THADS cấp tỉnh. Qua tìm hiểu thì lý do thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng và áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ thu nhập thường được tổ chức ở cơ quan THA cấp huyện vì các cơ quan này thường ở gần nơi cư trú của người phải THA nên dễ nắm bắt được nguồn thu nhập của người phải THA nên thuận lợi cho việc đôn đốc THA cũng như áp dụng biện pháp cưỡng chế.

2.1.2.3. Biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ

Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ là một trong sáu biện pháp cưỡng chế được quy định tại Khoản 3 Điều 71; Mục 6 Luật Thi hành án dân sự; Điều 22, Điều 26 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ. Đây là biện pháp cưỡng chế được áp dụng phổ biến nhất trong các biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ áp dụng khi thỏa mãn một trong những điều kiện sau:

Thứ nhất, người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo bản án, quyết định được đưa ra thi hành hoặc phải nộp phí thi hành án.

Nghĩa vụ thanh toán tiền của người phải thi hành án được ấn định trong bản án, quyết định của Tòa án hoặc của cơ quan có thẩm quyền như tổ chức trọng tài thương mại Việt Nam hoặc của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và cũng có thể là nghĩa vụ nộp phí thi hành án khi người được thi hành án đã nhận tài sản nhưng không tự nguyện nộp phí thi hành án.

Thứ hai, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án

Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án là những người mà Chấp hành viên đã xác minh khẳng định được người đó có tài sản (trừ tài sản là tiền thì không áp dụng biện pháp cưỡng chế này). Tài sản của người phải thi hành án có thể là động sản, bất động sản và kể cả quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất, vốn góp... theo quy định tại Mục 6 Luật THADS năm 2008.

Thứ ba, hết thời gian tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành

Do tính chất của THADS khác với tính chất của THAHS và đối tượng của biện pháp kê biên tài sản trong THADS là tài sản nên cần thiết phải cho người phải thi hành án một khoảng thời gian chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ. Thời gian tự nguyện thi hành án quy định tại Điều 45 Luật THADS 2008 là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án hoặc được thông báo hợp lệ

quyết định thi hành án. Nếu trong thời gian tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án mà không đạt được kết quả như mong muốn thì Chấp hành viên phải dùng đến quyền lực của nhà nước tức là áp dụng các biện pháp cưỡng chế để buộc người có nghĩa vụ phải thi hành theo đúng bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của cơ quan Thi hành án.

Thứ tư, chưa hết thời gian người phải thi hành án tự nguyện thi hành nhưng cần ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Trong thời gian tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án, nếu Chấp hành viên nhận thấy cần phải ngăn chặn hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên có quyền ra quyết định áp dụng ngay các biện pháp bảo đảm, các biện pháp cưỡng chế thi hành án được quy định tại Chương IV Luật THADS theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Luật THADS.

Tài sản kê biên và một số quy định về kê biên tài sản của người phải thi hành án:

** Kê biên tài sản là quyền sở hữu trí tuệ*

Năm 2005 Luật Sở hữu trí tuệ ra đời đánh dấu một bước tiến của của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Việc kê biên quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án là một trong những nội dung mới được quy định tại Điều 84 Luật THADS. Quyền sở hữu trí tuệ là loại tài sản “vô hình” con người không thể cầm, nắm được và theo Luật sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ được chia làm hai lĩnh vực chính: đó là quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền sở hữu đối với các sản phẩm sáng tạo của trí tuệ con người được khai thác trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp có thể trong cả lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Pháp luật Việt Nam ghi nhận đối tượng của sở hữu công nghiệp có thể là sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi, xuất xứ hàng hóa... Lĩnh vực sở hữu trí tuệ thứ hai là quyền tác giả liên quan đến các sáng tác trí tuệ trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật như các tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc, điện ảnh...

Vì vậy, khi thực hiện việc kê biên quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi

hành án Chấp hành viên phải nắm được các đặc thù về quyền sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp người phải thi hành án là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng thì quyền sở hữu trí tuệ vẫn bị kê biên để thi hành án. Trừ trường hợp việc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định nhằm đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của nhà nước, xã hội (quy định tại điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ) thì chấp hành viên không được kê biên.

** Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm*

Theo quy định tại Điều 89 Luật THADS, đối với tài sản là quyền sử dụng đất hoặc tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm để hạn chế các khiếu kiện từ phía đương sự, pháp luật quy định trước khi kê biên chấp hành viên phải yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký về một số nội dung như quyền sử dụng đất hoặc giao dịch đã đăng ký là của ai? có bị cầm cố, thế chấp không?... Và sau khi đã thực hiện xong việc kê biên tài sản, Chấp hành viên phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm về việc kê biên đó để các cơ quan này xử lý theo Khoản 1 Điều 178 Luật THADS như: tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của người phải thi hành án đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm.

Do quyền sử dụng đất cũng là một loại tài sản có những đặc thù nhất định như đất đai thuộc sở hữu toàn dân nhưng quyền sử dụng đất thì lại thuộc quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt của cá nhân, tổ chức, cơ quan. Vì vậy, Luật THADS đã dành một mục (mục 8) gồm 04 Điều từ Điều 110 đến Điều 113 quy định về việc cưỡng chế đối với tài sản là quyền sử dụng đất trong đó có việc kê biên quyền sử dụng đất.

** Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp*

Để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng cho người được thi hành án, Điều 90 Luật THADS quy định Chấp hành viên có quyền áp dụng biện pháp kê biên tài sản

của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp khi:

- Người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án.

- Giá trị tài sản đang cầm cố, thế chấp phải lớn hơn nghĩa vụ được đảm bảo và chi phí cưỡng chế thi hành án.

Trong thực tiễn thi hành án đã gặp rất nhiều trường hợp khi xác minh người phải thi hành án có tài sản nhưng họ đã cầm cố hoặc thế chấp cho Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân để vay một khoản tiền nhất định, nếu người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có nhưng tài sản có giá trị nhỏ không đủ để thi hành án thì chấp hành viên phải xác minh làm rõ việc cầm cố, thế chấp có hợp pháp không? giá trị tài sản đang cầm cố, thế chấp và nghĩa vụ được đảm bảo là bao nhiêu và dự tính các chi phí cưỡng chế để quyết định có kê biên hay không kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp. Chấp hành viên chỉ được kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp của người phải thi hành án khi đã có cơ sở cho rằng người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án và giá trị tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn nghĩa vụ được đảm bảo và các chi phí cần thiết.

Khi tiến hành kê biên, Chấp hành viên phải thông báo ngay cho người nhận cầm cố, thế chấp và khi xử lý tài sản cầm cố, thế chấp thì chấp hành viên phải ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ được đảm bảo sau khi đã trừ các chi phí về thi hành án theo quy định tại Khoản 3 Điều 47 Luật THADS.

Trường hợp tài sản đang cầm cố, thế chấp mà có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố thế chấp thì chấp hành viên không kê biên mà thông báo cho người nhận cầm cố, thế chấp biết nghĩa vụ của người phải thi hành án, yêu cầu người nhận cầm cố, thế chấp phải thông báo để cơ quan thi hành án kê biên tài sản đã cầm cố, thế chấp khi người vay thanh toán hợp đồng đã ký hoặc để kê biên phần tài sản còn lại (nếu có) sau khi tài sản bị bên nhận cầm cố, thế chấp xử lý để thanh toán hợp đồng đã ký theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010.

** Kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ*

Tài sản của người phải thi hành án có thể không do họ trực tiếp nắm giữ, sử dụng mà do người thứ ba giữ thì về mặt pháp lý, tài sản đó vẫn thuộc sở hữu của người phải thi hành án. Khi chấp hành viên xác minh tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ như: vay, mượn, thuê..., kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác thì chấp hành viên ra quyết định kê biên tài sản đó để thi hành khi tài sản đó có giá trị tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết hoặc người phải thi hành án không còn tài sản nào khác. Nếu người đang giữ tài sản của người phải thi hành án không tự nguyện giao tài sản thì chấp hành viên cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án. Trường hợp khi kê biên, xử lý tài sản đang cho thuê hợp pháp thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.

** Kê biên vốn góp của người phải thi hành án*

Theo quy định tại Điều 92 Luật THADS, khi người được thi hành án hoặc cá nhân, cơ quan cung cấp thông tin về vốn góp của người phải thi hành án thì chấp hành viên cần tiến hành xác minh hoặc yêu cầu người được thi hành án xác minh về việc góp vốn của người phải thi hành án với một số nội dung chính như: Việc góp vốn đã hoàn tất các thủ tục theo quy định tại Điều 39 của Luật Doanh nghiệp chưa? Tài sản góp vốn: Tiền, động sản hay bất động sản? Tỷ lệ vốn góp của người phải thi hành án? Giá trị phần vốn góp của người phải thi hành án...

Để xác minh được các nội dung trên chấp hành viên có thể đến trực tiếp hoặc làm văn bản yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có vốn góp cung cấp các thông tin về phần vốn góp của người phải thi hành án. Vì vậy, trong trường hợp cần thiết chấp hành viên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người phải thi hành án; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án. Ngoài ra, đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần vốn góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án.

**Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói*

Theo quy định tại Điều 93 Luật THADS, Khi tiến hành kê biên một tài sản nào đó mà đang bị khóa ví dụ như kê biên nhà ở của người phải thi hành án mà người phải thi hành án cố tình vắng mặt mặc dù đã được thông báo hợp lệ hoặc cố tình gói kín các tài sản nhằm che dấu tài sản trốn tránh nghĩa vụ thi hành án... thì chấp hành viên phải yêu cầu người phải thi hành án, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khóa, mở gói để kê biên. Nếu người phải thi hành án không mở khóa, mở gói, cố tình vắng mặt thì chấp hành viên lập biên bản sau đó có thể tự để thực hiện việc kê biên hoặc thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa, mở gói. Khi thực hiện việc mở khóa, mở gói chấp hành viên phải mời người làm chứng như Tổ trưởng dân phố, công an phường,... và người phải thi hành án phải chịu mọi và thiệt hại do việc mở khóa, phá khóa, mở gói. Trường hợp cần thiết sau khi mở khóa, phá khóa, mở gói để tiến hành kê biên chấp hành viên sẽ niêm phong đồ vật đó lại và giao bảo quản theo quy định tại Điều 58 Luật THADS.

** Kê biên tài sản gắn liền với đất*

Theo quy định tại Điều 94 Luật THADS, khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó. Như vậy theo nguyên tắc chung khi kê biên tài sản là các công trình xây dựng thì chấp hành viên tiến hành kê biên cả quyền sử dụng đất, Chấp hành viên không kê biên quyền sử dụng đất nếu theo pháp luật hiện hành quy định quyền sử dụng đất đó không được kê biên, như đất lấn chiếm, đất không phải là của người phải thi hành án... hoặc việc tách tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị của tài sản đó, ví dụ như nhà sàn...

Trong trường hợp tài sản là công trình xây dựng đồ sộ, có giá trị sử dụng mà thuộc loại không thể kê biên quyền sử dụng đất thì chấp hành viên có thể chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế khác như biện pháp khai thác tài sản để thi hành án theo quy định tại điều 107 Luật THADS.

** Kê biên tài sản là nhà ở*

Theo quy định tại Điều 95 Luật THADS thì việc kê biên nhà ở là nơi ở duy

nhất của người phải thi hành án và gia đình chỉ được thực hiện sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án đồng ý kê biên nhà ở để thi hành án.

Khi Chấp hành viên đã quyết định kê biên nhà ở thì phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở đó. Trong trường hợp nhà ở của người phải thi hành án nhưng quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở đó không thuộc quyền sử dụng của người phải thi hành án thì chấp hành viên chỉ được kê biên nhà ở đó khi người có quyền sử dụng đất đồng ý cho kê biên quyền sử dụng đất hoặc việc tách rời nhà ở và đất đó không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà ví dụ như nhà sàn... Trong trường hợp người có đất không đồng ý và việc tách rời nhà ở làm giảm đáng kể giá trị nhà ở thì Chấp hành viên không tiến hành kê biên nhà ở đó mà có thể chuyển sang biện pháp cưỡng chế khác như cưỡng chế khai thác tài sản...

Khi kê biên nhà ở của người phải thi hành án đang cho thuê, cho ở nhờ thì Chấp hành viên phải thông báo ngay cho người đang thuê, đang ở nhờ biết. Trường hợp tài sản kê biên là nhà ở, cửa hàng đang cho thuê được bán đấu giá mà thời hạn thuê hoặc thời hạn lưu cư vẫn còn thì người thuê có quyền tiếp tục được thuê hoặc lưu cư theo quy định của Bộ luật dân sự.

Việc kê biên nhà ở bị khoá được thực hiện như trường hợp đối với đồ vật bị khoá, đóng gói quy định tại Điều 93 Luật THADS.

** Kê biên tài sản là phương tiện giao thông*

Phương tiện giao thông là những tài sản dùng để đi lại, vận chuyển hành khách, tài sản bằng đường bộ, đường thủy hoặc đường không, như xe máy, xe ô tô, xe đạp điện, tàu thủy, xà lan, máy bay... đối với tài sản của người phải thi hành án là tàu bay, tàu biển thì Chấp hành viên vẫn có thể được phép kê biên để thi hành án nhưng không được thực hiện theo quy định của Luật THADS mà phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển. Hiện nay, việc bắt giữ tàu biển để thi hành án đã được quy định tại chương IV Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 05/2008/PL-UBTVQHK12 ngày 27/8/2008 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2009 và Nghị định số 57/2010/NĐ-

CP của Chính phủ ngày 25/5/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu biển hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/7/2010. Còn việc kê biên tàu bay để thi hành án được quy định tại Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu bay số 11/2010/UBTVQH12 16/3/2010 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2011 và Nghị định số 02/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/01/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu bay; thủ tục xử lý tàu bay bị bỏ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/02/2012.

Khi kê biên phương tiện giao thông của người phải thi hành án, Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó (nếu có). Nếu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phương tiện kê biên không giao giấy tờ hoặc giấy tờ bị mất thì chấp hành viên vẫn tiến hành kê biên.

Đối với phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên chấp hành viên có thể thu giữ hoặc giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp.

Trường hợp giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng phương tiện giao thông thì Chấp hành viên cấp cho người đó biên bản thu giữ giấy đăng ký để phương tiện được phép tham gia giao thông.

Sau khi kê biên, Chấp hành viên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cầm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên.

** Kê biên tài sản là hoa lợi*

Hoa lợi là sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại như cây ra trái, gia súc sinh con... Như vậy, theo biện pháp kê biên hoa lợi, Chấp hành viên không thể kê biên tài sản là cây cối mà chỉ kê biên trái cây, hoa quả... của cây cối đó mà thôi. Ví dụ, chấp hành viên không thể kê biên 100 m² lúa vừa được cấy mà phải chờ đến khi cây lúa phát triển, trổ bông và thu hoạch thì mới kê biên và sẽ là việc kê biên bao nhiêu kg, (tấn, tạ, yến) thóc sinh ra từ 100 m² lúa đó...

Trường hợp người phải thi hành án có tài sản mang lại hoa lợi, Chấp hành viên kê biên hoa lợi đó để bảo đảm thi hành án. Đối với hoa lợi là lương thực, thực phẩm thì khi kê biên, Chấp hành viên phải để lại một phần để người phải thi hành án và gia đình họ sinh sống theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 của Luật THADS và luôn luôn bảo đảm nguyên tắc kê biên số tài sản có giá trị tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành án và các chi phí cần thiết cho việc cưỡng chế thi hành án.

2.1.2.4. Biện pháp khai thác tài sản của người phải thi hành án

Biện pháp cưỡng chế này được quy định tại Mục 7 gồm 03 Điều từ 107 đến 109 Luật THADS. Biện pháp này được ra đời để khắc phục vướng mắc trong hoạt động THADS thực tế là người phải thi hành án có một tài sản duy nhất và có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này không gây tổn kém nhiều chi phí của người phải thi hành án và gia đình của họ, không dẫn đến tình huống đối kháng căng thẳng về quyền lợi giữa các bên, giữ được sự hòa hảo trong xã hội mà vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án.

Theo quy định tại Điều 107 Luật THADS, điều kiện cần và đủ để áp dụng biện pháp cưỡng chế này là:

a) Tài sản của người phải thi hành án có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để thi hành án;

b) Người được thi hành án đồng ý cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế khai thác tài sản khi có đủ hai điều kiện nêu trên. Kể từ thời điểm quyết định cưỡng chế được ban hành, việc thực hiện giao dịch, chuyển giao quyền sở hữu tài sản đối tài sản đang khai thác phải được sự đồng ý của Chấp hành viên.

Tài sản mà người phải thi hành án đang trực tiếp khai thác hoặc cho người khác khai thác thì người đang khai thác tiếp tục khai thác; trừ trường hợp tài sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất mà chưa khai thác thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án ký hợp đồng khai thác tài sản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai

thác tài sản. Người khai thác tài sản phải nộp số tiền đã thỏa thuận trong hợp đồng khai thác tài sản cho cơ quan Thi hành án dân sự sau khi trừ đi chi phí cần thiết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Chấp hành viên yêu cầu mà người phải thi hành án không ký hợp đồng khai thác thì chấp hành viên kê biên, xử lý tài sản đó để thi hành án.

Để hiểu rõ biện pháp cưỡng chế này, ta sẽ phân tích ví dụ sau:

Bản án tuyên: ông Tuấn phải trả bà Lan số tiền là 150 triệu, ông Tuấn chỉ có duy nhất ngôi nhà có giá trị là 5 tỷ tại số 145 phố Nguyễn Khang, Hà Nội. Bà Lan đồng ý áp dụng biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án. Chấp hành viên ra Quyết định cưỡng chế khai thác tài sản đối với ông Tuấn để khai thác ngôi nhà trên. Để thực hiện Quyết định cưỡng chế này, ông Tuấn đã ký hợp đồng với ông Quang thuê tầng 1 ngôi nhà với giá 20 triệu đồng/tháng. Trong hợp đồng có điều khoản, ông Quang phải trả tiền thuê nhà cho cơ quan THADS để thực hiện nghĩa vụ ông Tuấn đối với bà Lan. Việc ông Quang nộp tiền thuê nhà cho cơ quan THADS sẽ chấp dứt khi ông Quang nộp đủ số tiền 150 triệu đồng. Khi đó Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt khai thác tài sản đối với ông Tuấn.

Việc cưỡng chế khai thác tài sản bị chấp dứt khi việc khai thác tài sản trong những trường hợp sau (Điều 109 Luật THADS):

- a) Việc khai thác tài sản không hiệu quả hoặc làm cản trở đến việc thi hành án;
- b) Người phải thi hành án, người khai thác tài sản thực hiện không đúng yêu cầu của Chấp hành viên về việc khai thác tài sản;
- c) Người phải thi hành án đó thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí về thi hành án;
- d) Có quyết định đình chỉ thi hành án.

Chấp hành viên sẽ ra quyết định chấp dứt khai thác tài sản, riêng đối với trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 109, Chấp hành viên sẽ phải thực hiện việc kê biên và xử lý tài sản để thi hành án.

Từ những phân tích trên, có thể thấy được tính phức tạp trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này. Khi áp dụng, Chấp hành viên phải thường xuyên giám sát việc người đang khai thác tài sản để đảm bảo họ không gây tổn hại tới tài sản đang

khai thác cũng như phải nộp đầy đủ tiền khai thác tài sản để thi hành án. Ngoài ra, Chấp hành viên phải chịu trách nhiệm buộc người đang khai thác giao trả tài sản khi biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản bị chấp dứt. Với rất nhiều trách nhiệm và diễn ra trong thời gian dài, biện pháp cưỡng chế khai thác sẽ không thể được áp dụng khi có ít quy định pháp luật hướng dẫn liên quan.

2.1.2.5. Biện pháp buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ

Biện pháp cưỡng này được quy định tại khoản 5 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được cụ thể hoá tại Mục 9 Chương IV Luật Thi hành án dân sự gồm các điều từ Điều 114 đến Điều 117.

Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ cùng có một đặc điểm chung là tuyên bố và chấm dứt trên thực tế quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của người này đồng thời với việc xác lập quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của người khác. Chính vì cùng có chung đặc điểm trên nên khi áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ cơ quan thi hành án dân sự thường gặp phải sự chống đối quyết liệt từ phía người phải thi hành án hoặc gia đình họ. Từ đó, đòi hỏi Chấp hành viên khi được giao tổ chức thi hành việc giao vật, giao nhà, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ phải thiết lập hồ sơ thi hành án chặt chẽ, đảm bảo đúng thủ tục, trình tự thi hành án dân sự.

Vật phải giao, nhà hoặc quyền sử dụng đất là đối tượng của nghĩa vụ thi hành án mang tính lịch sử và tính hiện thực. Vì từ giai đoạn thụ lý, xét xử đến thời điểm tổ chức thi hành án là cả một quá trình về mặt thời gian, do đó rất có thể đã bị biến đổi phần nào do có sự tác động của thời gian, của người chiếm hữu, sử dụng nó. Từ đó đòi hỏi khi tổ chức việc thi hành án Chấp hành viên cần phải tiến hành xác minh cụ thể, chi tiết về hiện trạng của vật, nhà, thửa đất là đối tượng của nghĩa vụ thi hành án, có sự đối chiếu, so sánh với thời điểm xét xử, để từ đó có biện pháp xử lý thích hợp.

** Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao (trả) vật*

Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả vật được quy định tại Điều 114 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả vật được thực hiện trong

trường hợp người phải thi hành án phải có nghĩa vụ trả vật theo bản án, quyết định. Bản án, quyết định có tuyên nghĩa vụ trả vật có thể là bản án, quyết định về dân sự, về kinh doanh thương mại, về hôn nhân gia đình.

Nội dung của bản án, quyết định trả vật thường bắt nguồn từ những giao dịch dân sự; từ quan hệ vay mượn, thế chấp, cầm cố; do chia thừa kế; trả đồ vật; do phân chia tài sản khi ly hôn... Như vậy, vật phải thi hành án dù là động sản hay bất động sản, vật đặc định hay vật cùng loại, vật chính, vật phụ... đều rất đa dạng, phức tạp đòi hỏi Chấp hành viên phải nắm vững quy định của pháp luật, đồng thời phải vận dụng linh hoạt trong thực tiễn áp dụng.

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả vật được áp dụng khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ trả vật theo bản án, quyết định

Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả vật khi người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ trả vật theo bản án, quyết định.

Trên thực tế, có những trường hợp để thi hành nghĩa vụ trả tiền, người phải thi hành án và người được thi hành án đã có thoả thuận về việc giao vật để trừ vào khoản tiền phải thi hành án nhưng vì một lý do nào đó người phải thi hành án không thực hiện thoả thuận này. Người được thi hành án có đơn đề nghị Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế giao vật buộc người phải thi hành án thực hiện theo đúng thoả thuận.

Trường hợp này Chấp hành viên không được áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật. Trên cơ sở kết quả xác minh, nếu người phải thi hành án không còn tài sản nào khác, Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đối với vật là đối tượng đã được thoả thuận.

b) Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế giao vật sau khi đã hết thời hạn tự nguyện thi hành án, trừ trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án

Sau khi được Thủ trưởng cơ quan thi hành án phân công tổ chức thi hành quyết định thi hành án, Chấp hành viên định cho người phải thi hành án thời hạn tự

nguyện thi hành án là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Giấy báo tự nguyện thi hành án phải được tổng đạt trực tiếp cho người phải thi hành án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Như vậy, cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật chỉ áp dụng khi đã hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành.

Tuy nhiên, trường hợp chưa hết thời hạn tự nguyện thi hành án nhưng cần ngăn chặn người phải thi hành án tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên cũng được áp dụng biện pháp cưỡng chế để đảm bảo thi hành án. Trong trường hợp này, hồ sơ thi hành án phải lưu giữ được tài liệu chứng tỏ người phải thi hành án có những hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án (Ví dụ: đơn trình báo của người được thi hành án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, hoặc báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã...).

c) Biện pháp cưỡng chế giao vật chỉ được áp dụng nếu Chấp hành viên phát hiện vật phải giao hiện đang còn

Theo Điều 114 Luật Thi hành án dân sự thì đối với vật đặc định Chấp hành viên chỉ có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế trả vật nếu vật phải trả hiện đang còn. Pháp luật không quy định cụ thể, nhưng chúng ta có thể hiểu, vật phải trả đang còn nghĩa là vật đó hiện đang do người phải thi hành án hoặc người khác chiếm hữu, sử dụng. Như vậy, nếu vật phải trả không còn thì Chấp hành viên không thể áp dụng biện pháp cưỡng chế trả vật. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý đối với trường hợp vật phải trả là vật cùng loại thì mặc dù vật phải trả không còn hoặc hư hỏng, giảm giá trị thì Chấp hành viên vẫn có quyền cưỡng chế người phải thi hành án phải trả vật cùng loại.

** Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả nhà, giao nhà*

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả nhà, giao nhà được quy định tại Điều 115 Luật Thi hành án dân sự.

a) Các trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả nhà, giao nhà

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả nhà, giao nhà được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Bản án, quyết định tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ trả nhà cho người được thi hành án;

- Cưỡng chế giao nhà cho người mua được nhà bán đấu giá;

Đây là trường hợp người phải thi hành án phải thi hành nghĩa vụ trả tiền, do không tự nguyện thi hành nên đã bị cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để thi hành án. Mặc dù đã được thông báo hợp lệ nhưng không tự nguyện thi hành nghĩa vụ giao nhà nên cơ quan thi hành án phải áp dụng biện pháp cưỡng chế để giao nhà cho người mua được nhà bán đấu giá.

- Cưỡng chế giao nhà cho người được thi hành án để trừ vào tiền được thi hành án.

Là trường hợp người phải thi hành án phải thi hành nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định, do không tự nguyện thi hành nên cơ quan thi hành án đã áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý nhà đất để thi hành án. Trường hợp giá tài sản đã giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế theo quy định tại Điều 104 Luật Thi hành án dân sự, nếu người được thi hành án đồng ý nhận nhà để trừ vào khoản tiền được thi hành án thì cơ quan thi hành án phải yêu cầu người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ giao nhà. Trường hợp người phải thi hành án cố tình không giao nhà thì phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà để thi hành án.

b) Điều kiện áp dụng

i) Người phải thi hành án phải có nghĩa vụ giao nhà

Theo quy định của pháp luật, nếu người phải thi hành án không có nghĩa vụ giao nhà thì không có căn cứ để áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà. Nghĩa vụ giao nhà của người phải thi hành án xuất phát từ trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ được tuyên trong bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài thương mại. Ngoài ra, nghĩa vụ giao nhà của người phải thi hành án còn có thể xuất phát từ việc cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án và sau đó phải giao nhà cho người trúng đấu giá hoặc cho người được thi hành án.

ii) Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà sau khi đã hết thời hạn ấn định cho người phải thi hành án tự nguyện thi hành, trừ trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án

- Đối với trường hợp bản án, quyết định tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ giao trả nhà:

Sau khi nhận được quyết định thi hành án, đồng thời với việc tổng đạt quyết định thi hành án, Chấp hành viên định cho người phải thi hành án thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án để tự nguyện thi hành nghĩa vụ trả nhà. Như vậy, thông thường chỉ sau thời hạn 10 ngày này nếu người phải thi hành án không tự nguyện giao nhà thì Chấp hành viên mới có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế giao nhà.

Tuy nhiên, trong trường hợp mặc dù chưa hết thời hạn tự nguyện thi hành án nhưng để ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án, Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà. Để áp dụng được biện pháp cưỡng chế trong trường hợp này phải có tài liệu chứng minh về việc người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án lưu trong hồ sơ thi hành án. Chẳng hạn như: Đơn trình bày của người được thi hành án; báo cáo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người phải thi hành án cư trú; báo cáo, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà là đối tượng phải giao trả theo bản án, quyết định; kết quả xác minh về việc người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản...

- Đối với trường hợp bản án, quyết định của Tòa án không tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ trả nhà:

Đối với những trường hợp này, biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà không phải là biện pháp cưỡng chế thứ nhất trong hồ sơ thi hành án. Do đó đương nhiên đã hết thời hạn ấn định cho người phải thi hành án tự nguyện thi hành nghĩa vụ theo bản án, quyết định.

Tuy nhiên, khi áp dụng cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà trong trường hợp này cần phải có những điều kiện nhất định, cụ thể:

- Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà cho người mua được tài sản bán đấu giá chỉ thực hiện khi Chấp hành viên đã tổ chức cưỡng chế kê biên, bán đấu giá thành tài sản đã kê biên là nhà của người phải thi hành án.

- Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao nhà cho người được thi hành án để trừ vào khoản tiền thi hành án chỉ áp dụng sau khi Chấp hành viên đã tổ chức cưỡng chế kê biên, thông báo bán đấu giá nhà đã kê biên của người phải thi hành án nhưng vẫn không có người đăng ký mua đấu giá tài sản và giá đã giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế thi hành án. Sau khi làm việc với người được thi hành án, người được thi hành án đồng ý nhận nhà (đã kê biên của người phải thi hành án) để trừ vào tiền thi hành án.

Việc người phải thi hành án không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ giao nhà trong trường hợp này thể hiện dưới các hình thức sau:

Người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án trả nhà sau khi cơ quan thi hành án có giấy báo, giấy mời nhiều lần nhưng người phải thi hành án cố tình không đến cơ quan thi hành án. Có nhiều trường hợp đương sự có mặt theo sự triệu tập của Chấp hành viên song họ cương quyết không thi hành án với rất nhiều lý do như: Bản án xử không đúng, không khách quan, họ còn đang khiếu nại lên các cấp có thẩm quyền và đề nghị dừng việc thi hành án cho đến khi có trả lời của cấp trên; hoặc bố, mẹ già, người thân đang ốm nặng dài ngày hoặc người phải thi hành án đi đâu không biết nên không thi hành án được, hoặc nơi phải chuyển đến khi bị cưỡng chế, an ninh trật tự nơi đó không tốt, họ không chuyển theo như quyết định của bản án và yêu sách người được thi hành án. Đây có thể coi là người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án.

Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế trả nhà Chấp hành viên cần lưu ý mặc dù pháp luật không quy định việc phải tìm nơi ở khác cho người phải thi hành án, nhưng trên thực tế để có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế trả nhà Chấp hành viên phải có phương án bố trí sắp xếp chỗ ở tạm cho người phải thi hành án và gia đình

họ, ngoài ra cũng phải có chỗ để bảo quản tài sản của người phải thi hành án và gia đình họ khi chuyển tài sản ra khỏi nhà.

Hiện tại, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Thi hành án dân sự thì: *“Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm... ”.*

Như vậy, đối với trường hợp giao nhà ở duy nhất cho người trúng đấu giá mà sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì Chấp hành viên chỉ có thể áp dụng được biện pháp cưỡng chế sau khi đã trích một khoản tiền thuê nhà cho người phải thi hành án.

** Cưỡng chế trả giấy tờ*

Giấy tờ cũng được coi là một dạng của vật, tuy nhiên giấy tờ không chỉ có giá trị sử dụng thông thường mà trong nhiều trường hợp còn có ý nghĩa tinh thần gắn với nhân thân đối với một cá nhân, cơ quan, tổ chức nhất định. Ví dụ: Văn bằng chứng chỉ đại học của người phải thi hành án, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Chính vì vậy, về cơ bản biện pháp cưỡng chế trả giấy tờ cũng được áp dụng các bước tương tự như biện pháp cưỡng chế trả vật, bên cạnh đó, biện pháp cưỡng chế này cũng có những điểm đặc thù. Hiện nay, Điều 116 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung đã quy định:

1. Trường hợp người phải thi hành án không giao, trả giấy tờ cho người được thi hành án theo nội dung bản án, quyết định thì Chấp hành viên cưỡng chế buộc người phải thi hành án giao, trả giấy tờ đó.

Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ giấy tờ phải giao, trả thì Chấp hành viên yêu cầu người đó giao, trả giấy tờ đang giữ, nếu người thứ ba không tự

nguyện giao, trả thi Chấp hành viên cưỡng chế buộc người đó giao, trả giấy tờ để thi hành án.

2. Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi được nhưng có thể cấp lại thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho người được thi hành án, người trúng đấu giá tài sản thi hành án.

3. Trường hợp không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và giấy tờ về tài sản khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 106 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại thì việc thi hành án được xử lý theo quy định tại Điều 44a của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Như vậy, về cưỡng chế trả giấy tờ theo Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) đã quy định chi tiết hơn và giải quyết được những bất cập mà cơ quan thi hành án gặp phải trong suốt thời gian qua.

** Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất*

Hiện tại, cưỡng chế thi hành nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất là một biện pháp cưỡng chế thi hành án được quy định tại Điều 117 Luật Thi hành án dân sự. Biện pháp này do Chấp hành viên áp dụng khi người phải thi hành án có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định hoặc theo quy định của pháp luật, được áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án hoặc trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án.

Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Bản án, quyết định tuyên buộc người phải thi hành án phải chuyển giao quyền sử dụng đất cho người được thi hành án;

- Cường chế chuyển giao quyền sử dụng đất từ người phải thi hành án sang người trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

- Cường chế chuyển giao quyền sử dụng đất cho người được thi hành án nhận quyền sử dụng đất để thi hành án.

Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau:

a) Người phải thi hành án có nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định hoặc theo quy định của pháp luật

Người phải thi hành án có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định là trường hợp tại phần quyết định của bản án, quyết định tuyên người phải thi hành án phải có nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất cho người được thi hành án.

Người phải thi hành án có nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đó là trường hợp người phải thi hành án có nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định do không tự nguyện thi hành án nên Cơ quan thi hành án đã áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án. Trường hợp bán đấu giá thành mà người phải thi hành án không tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá thì Chấp hành viên có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất. Trường hợp sau nhiều lần giảm giá mà tài sản vẫn không bán được và giá tài sản đã giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế thì nếu người được thi hành án đồng ý nhận để trừ vào số tiền được thi hành án thì cơ quan thi hành án sẽ tiến hành giao cho người được thi hành án. Trong trường hợp này, nếu người phải thi hành án không tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng đất thì Chấp hành viên cũng có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Trong cả hai trường hợp trên, mặc dù bản án, quyết định không tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất nhưng nếu người phải thi hành án không tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng cho người trúng đấu giá hoặc cho người nhận quyền sử dụng đất để trừ vào số tiền thi hành án thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất.

b) Đã hết thời hạn Chấp hành viên ấn định cho người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án

- Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho người được thi hành án:

Sau khi nhận được quyết định thi hành án, đồng thời với việc tổng đạt quyết định thi hành án, Chấp hành viên định cho người phải thi hành án thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án để tự nguyện thi hành án. Sau khi hết thời hạn ấn định, người phải thi hành án mặc dù có điều kiện nhưng không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, đối với trường hợp người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án thì mặc dù chưa hết thời gian tự nguyện thi hành án nhưng Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất. Trong trường hợp này, Chấp hành viên lưu ý phải lưu các giấy tờ chứng minh người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án tuyên người phải thi hành án có nghĩa vụ về tài sản:

Chỉ sau khi đã áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, bán đấu giá quyền sử dụng đất thi hành án, đã có căn cứ cho rằng người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá hoặc cho người nhận quyền sử dụng đất để trừ vào số tiền được thi hành án và đã hết thời hạn Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng đất mà người phải thi hành án không tự nguyện thực hiện theo nghĩa vụ thì Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất để thi hành án.

2.1.2.6. Biện pháp buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định

Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định theo bản án, quyết định của Tòa án được quy định tại Điều 118 và Điều 119 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Khoản 2 Điều 118 đã đưa ra hai vấn đề: Hết thời hạn ấn định mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Thứ nhất, trường hợp nghĩa vụ buộc phải thực hiện công việc của người phải thi hành án có thể giao cho người khác thực hiện thay. Nếu xác định nghĩa vụ đó có khả năng thay thế, nghĩa là không nhất thiết người phải thi hành án phải trực tiếp thực hiện.

Ví dụ: Nghĩa vụ mở lối đi, phá dỡ công trình xây dựng trái phép trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, Chấp hành viên hoàn toàn có quyền giao cho người khác thực hiện công việc đó theo nguyên tắc chi phí do người phải thi hành án chịu nếu người phải thi hành án không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án

Thứ hai, trường hợp do chính người phải thi hành thực hiện, là những công việc không thể thay thế, gắn với nhân thân người phải thi hành án.

Ví dụ: Công khai xin lỗi tại nơi người được thi hành án công tác, đăng tải công khai lời cải chính trên báo... Trong những trường hợp này, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì sẽ áp dụng các biện pháp xử lý là đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

Điều 119: Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định. *“Người phải thi hành án không tự nguyện chấm dứt việc thực hiện công việc mà theo bản án, quyết định không được thực hiện thì Chấp hành viên ra quyết định phạt tiền đối với người đó, trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu họ khôi phục nguyên trạng ban đầu. Trường hợp người đó vẫn không chấm dứt công việc không được làm, không khôi phục lại hiện trạng ban đầu thì Chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án”*

Quy định tại Điều 119 đã tạo điều kiện để Chấp hành viên có cơ sở pháp lý tổ chức cưỡng chế buộc người phải thi hành án không được làm công việc nhất định mà Toà án đã tuyên, như việc cưỡng chế chấm dứt hành vi gây ô nhiễm môi trường; chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất hợp pháp... Theo quy định tại Điều 119, người phải thi hành án không tự nguyện chấm dứt công việc không được thực hiện theo bản án, quyết định của Toà án thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, nếu tiếp tục không tự nguyện chấm dứt công việc không được làm thì sẽ bị xử lý về hình sự

Cưỡng chế *buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định* được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đã hết thời gian tự nguyện thi hành án: Khi chấp hành viên đã làm đầy đủ các thủ tục pháp lý như tổng đạt quyết định thi hành án, giấy báo tự nguyện ấn định thời gian cụ thể là 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án và đã hết thời gian ấn định tự nguyện thi hành án mà đương sự vẫn không tự nguyện thi hành.

- Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án: Hết thời gian tự nguyện thi hành án, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án. Thông thường người phải thi hành án trong trường hợp này là có điều kiện thi hành án bởi nghĩa vụ thi hành án không mang yếu tố tài sản như các loại việc thi hành án khác..

2.2. Thực trạng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội

2.2.1. Tình hình giải quyết thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội

Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về giao dịch kinh tế và quốc tế của cả nước.

Sau khi thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội, mở rộng địa giới hành chính Thủ đô bao gồm: thành phố Hà Nội, tỉnh Hà

Tây, huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình.. Thủ đô Hà Nội sau khi được mở rộng có diện tích tự nhiên là 3.324,5 km², lớn gấp hơn 3 lần trước đây. Dân số ước tính năm 2015 là 7379,3 nghìn người. Hiện nay, thành phố Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã, 577 xã, phường, thị trấn, là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kĩ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về giao dịch kinh tế và quốc tế của cả nước.

Thủ đô Hà Nội đóng vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn bình quân 5 năm 2011 - 2015 ước tăng 9,23%, gấp 1,58 lần mức tăng bình quân chung của cả nước. Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2015 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 27,6 tỉ USD, bình quân thu nhập đầu người khoảng 3.600 USD, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010...

Với vị thế là thủ đô, trung tâm kinh tế của cả nước, nền kinh tế - xã hội của Hà Nội phát triển vượt bậc, là nơi tập trung đầu tư của nhiều ngành, phát triển trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về thương mại, tài chính, bất động sản. Nhất là những năm gần đây, tiến trình đô thị hóa, đầu tư xây dựng, mở rộng cơ sở hạ tầng với quy mô lớn, tốc độ phát triển rất nhanh.

Bên cạnh nhiều mặt thuận lợi từ điểm mạnh là một trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của cả nước thì Hà Nội cũng có rất nhiều khó khăn, thách thức trên nhiều khía cạnh xã hội.

Cùng với những đặc thù về kinh tế, văn hóa, chính trị và cư dân tập trung đông đúc, trong những năm vừa qua, do ảnh hưởng của tốc độ đô thị hóa quá nhanh, ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu, Hà Nội có thể coi là một trong những điểm nóng nổi cộm và phức tạp phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tín dụng ngân hàng, tranh chấp dân sự và có cả sự tăng lên các vụ án hình sự, các vi phạm pháp luật trong nhiều lĩnh vực.

Trong những năm gần đây, hàng nghìn doanh nghiệp tại Hà Nội đóng cửa hoặc ngừng hoạt động, hàng nghìn tỷ nợ tín dụng, ngân hàng không được thành toán đã phát sinh tranh chấp, bất động sản đóng băng, thị trường tài chính, tín dụng trì trệ, thiếu bền vững, tỷ lệ nợ xấu tăng cao, tội phạm hình sự như tội phạm về kinh

tế, ma túy tăng nhanh... đã tạo nên một gánh nặng trách nhiệm, hậu quả nặng nề cho xã hội, trong đó có các cơ quan Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát, cuối cùng là cơ quan Thi hành án dân sự là những ngành trực tiếp phải gánh vác, thực hiện nhiệm vụ giải quyết.

Hà Nội là trung tâm tập trung, phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội nhưng với thành phần phức tạp của dân cư, với hậu quả nặng nề của mặt trái quá trình đô thị hóa quá nhanh, hậu quả nặng nề của khủng hoảng tài chính toàn cầu, khủng hoảng tín dụng, bất động sản trong thời gian qua đã phần nào đẩy ý thức pháp luật của người dân vào hoàn cảnh phát sinh nhiều bức xúc, tiêu cực, thiếu sự tuân thủ, chấp hành, thậm chí là chống đối, vi phạm pháp luật một cách cố ý, chây ì, không tự nguyện thi hành án, gây rất nhiều khó khăn cho công tác thi hành án dân sự.

Từ đó, công tác thi hành án dân sự ở thủ đô những năm gần đây, cùng với sự gia tăng đột biến về số lượng vụ việc và giá trị phải thi hành, do ý thức pháp luật của người dân cùng với hoàn cảnh, nguyên nhân chủ quan và khách quan khác dẫn đến phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế rất nhiều và hiệu quả của cưỡng chế thi hành án trên thực tế còn nhiều bất cập. Để rõ hơn, có thể tham khảo qua bảng thống kê kết quả THADS của các cơ quan THADS thành phố Hà Nội từ năm 2010 - 2015:

Bảng 2.1: Kết quả THADS giai đoạn 2011 - 2015 về việc

(đơn vị tính: việc)

Năm	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Tỷ lệ thi hành xong/Số có điều kiện
2011	32.332	24.901	21.011	92%
2012	31.763	22.944	20.971	92%
2013	33.313	25.676	23.472	91%
2014	36.484	27.512	25.140	91%
2015	36.502	26.060	23.629	91%

Nguồn: [8, tr. 3-4], [9, tr. 1-2], [10, tr. 4-5], [11, tr. 2-3], [12, tr. 4-5]

Bảng 2.2: Kết quả THADS giai đoạn 2011 - 2015 về tiền

(đơn vị tính: 1.000đ)

Năm	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Tỷ lệ thi hành xong/Số có điều kiện
2011	2.113.499.978	1.429.516.723	1.244.648.775	87%
2012	2.983.282.039	1.643.342.514	1.401.207.494	85%
2013	4.329.853.699	2.513.999.479	2.089.082.924	83%
2014	8.081.595.567	5.176.494.224	4.666.802.169	90%
2015	11.677.340.576	6.076.231.265	5.181.955.124	85%

Nguồn: [8, tr. 3-4], [9, tr. 1-2], [10, tr. 4-5], [11, tr. 2-3], [12, tr. 4-5]

Từ Bảng thống kê kết quả THADS về việc và về tiền cho thấy tổng số phải thi hành năm sau tăng hơn so với năm trước nhất là về tiền (năm 2011 tổng số phải thi hành là 32.332 việc, với số tiền 2.113.499.978.000đ; năm 2015 tổng số phải thi hành là 36.502việc, với số tiền 11.677.340.576.000đ. Như vậy, so với năm 2011, tổng số việc phải thi hành năm 2015 tăng 4.170 việc, tăng [13%], số tiền tăng 9.563.840.598.000đ, tăng [453%]). Tỷ lệ thi hành xong trên số có điều kiện năm sau đều tăng hơn năm trước. Tuy nhiên số tổng số việc và tiền chuyển năm sau còn nhiều. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là các biện pháp cưỡng chế THADS chưa phát huy hết khả năng trên thực tế, mà cưỡng chế THADS lại là hoạt động thường xuyên và quan trọng của công tác THADS.

2.2.2. Khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Công tác cưỡng chế thi hành án dân sự thường phát sinh những vấn đề phức tạp đòi hỏi Chấp hành viên phải nắm vững chuyên môn nghiệp vụ và sự tham gia phối hợp của các cơ quan, ban, ngành có liên quan.

**Bảng 2.3: Kết quả việc tổ chức cưỡng chế thi hành án của toàn thành phố
Hà Nội năm 2013 - 2015**

Năm	Việc ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế					
	Tổng số	Số việc phải áp dụng biện pháp cưỡng chế	Số việc ra quyết định cưỡng chế nhưng chưa tổ chức cưỡng chế	Số việc đương sự tự nguyện thi hành	Số việc cần phải huy động lực lượng	Số việc cưỡng chế thành công
2013	257	199	58	20	87	168
2014	317	308	9	29	169	244
2015	486	450	36	36	236	447

Nguồn: [10, tr. 5-6], [11, tr. 3-4], [12, tr. 5]

Nhìn từ thực tiễn thành phố Hà Nội, công tác cưỡng chế thi hành án dân sự gặp phải một số vấn đề khó khăn phức tạp như sau:

Thứ nhất, do vụ việc tranh chấp kinh tế, dân sự có xu hướng ngày càng tăng nhất là từ năm 2011 trở lại đây, dẫn đến việc cơ quan Thi hành án dân sự phải thụ lý thi hành án ngày càng tăng, tính chất của các vụ việc ngày càng phức tạp.

Thứ hai, yêu cầu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính và yêu cầu của xã hội đặt ra đối với công tác Thi hành án dân sự ngày càng cao, nhất là trên địa bàn Thủ đô. Điều này được thể hiện bằng việc hằng năm Quốc hội đều giao chỉ tiêu về việc và tiền cao.

Thứ ba, bộ máy tổ chức cán bộ, biên chế chưa tương xứng và chưa đáp ứng nhiệm vụ. Phương tiện, điều kiện, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nhất là trụ sở làm việc và kho vật chứng của các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn còn thiếu.

Thứ tư, công tác phối hợp trong thi hành án dân sự giữa cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương có lúc có nơi còn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ phối hợp trong thi hành án dân sự mặc dù đã có Quy chế phối hợp Liên ngành trong công tác thi hành án dân sự giữa các cơ quan Cục Thi hành án dân sự, Sở Tư pháp, Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Thứ năm, để áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án đòi hỏi Chấp hành viên phải thực hiện thật tốt công tác xác minh thi hành án dân sự. Đây là cơ sở quan trọng trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án; Đòi hỏi trong quá trình xác minh phải thu thập được đầy đủ những thông tin liên quan đến quyền sử dụng đất dự kiến kê biên, cưỡng chế; Nhưng ngay từ giai đoạn này chấp hành viên đã gặp phải sự hợp tác không chặt chẽ, thiếu nhiệt tình trách nhiệm của cán bộ chuyên môn trong việc phối hợp theo luật quy định. Không phân công hay cử cán bộ chuyên môn tham gia phối hợp xác minh điều kiện thi hành án của đương sự. Coi đây là công việc có thể làm hoặc có thể không làm mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì.

Thứ sáu, việc thí điểm thực hiện Thừa phát lại tuy đã được đánh giá là thành công nhưng việc đóng góp cho công tác thi hành án dân sự vẫn chưa nhiều. Số lượng Thừa phát lại trên địa bàn Hà Nội còn ít nên chưa thực sự đáp ứng đủ nhu cầu về việc tổng đạt văn bản như: Thông báo thi hành án...

2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc

2.2.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành vẫn chưa thật sự quyết liệt, thiếu giải pháp cụ thể, hiệu quả đối với nhiệm vụ giảm việc, giá trị tồn đọng; năng lực chuyên môn, đặc biệt là ý thức trách nhiệm, tính gương mẫu của một bộ phận công chức lãnh đạo quản lý còn chưa cao.

Thứ hai, công tác tổ chức cán bộ chưa thực sự đi trước một bước so với yêu cầu.

Thứ ba, kỷ cương, kỷ luật, ý thức trách nhiệm của một bộ phận công chức trong ngành vẫn chưa nghiêm, chưa thường xuyên học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là đội ngũ chấp hành viên chưa thấy hết được vai trò, trách nhiệm.

Thứ tư, việc cưỡng chế thi hành án dân sự có biểu hiện kéo dài, không tích cực áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định.

2.2.3.2. Nguyên nhân khách quan

Có thể nêu ra được ở đây một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến những vướng mắc trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế như:

Thứ nhất, nhiều vụ án có giá trị rất lớn nhưng không có điều kiện để thi hành đặc biệt là các vụ án kinh tế, tham nhũng, án tín dụng ngân hàng; trong điều kiện số việc và tiền thụ lý mới tiếp tục tăng, năm sau cao hơn năm trước, nhất là về tiền.

Thứ hai, việc Quốc hội giao chỉ tiêu về thi hành án dân sự thể hiện sự quan tâm đối với công tác thi hành án dân sự nhưng với nhiều chỉ tiêu cao đây là một thách thức không nhỏ đối với cơ quan thi hành án dân sự.

Thứ ba, điều kiện về cơ sở vật chất tại một số cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu của công việc.

Thứ tư, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên ngành còn chậm trễ, thiếu tích cực.

Thứ năm, công tác xã hội hóa mặc dù được quan tâm nhưng vẫn chưa thực sự đem lại hiệu quả.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở quy định tại Điều 45, Điều 46 Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014 và Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ thì hết thời gian tự nguyện thi hành án, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế.

Để thực hiện cưỡng chế thi hành án dân sự cần phải tuân thủ những nguyên tắc chung theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự thường phát sinh những vấn đề đòi hỏi Chấp hành viên cần phải nắm vững chuyên môn về thi hành án dân sự và các quy định pháp luật chuyên ngành khác có liên quan; Các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện cưỡng chế thường rất phức tạp, đòi hỏi phải có sự tham gia của rất nhiều cơ quan tổ chức.

Tóm lại, trong công tác cưỡng chế thi hành án, vai trò và nhiệm vụ của Chấp hành viên rất quan trọng và nặng nề. Chấp hành viên là người ra quyết định cưỡng chế, là người xây dựng kế hoạch cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế thi hành án và là người chịu trách nhiệm chính trong mọi hoạt động, mọi hậu quả xảy ra từ hoạt động cưỡng chế. Và trình độ, kinh nghiệm, năng lực, bản lĩnh của Chấp hành viên là yếu tố quyết định sự thành công hoặc không thành công của hoạt động cưỡng chế thi hành án và hiệu quả của việc tổ chức thi hành án, thi hành nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự

3.1.1. *Phù hợp với quan điểm, yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật*

Hoàn thiện pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải được đặt trong mối quan hệ tổng thể hoàn thiện pháp luật nói chung, hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự nói riêng. Bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Hiến pháp; tiếp tục thể chế hoá Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Hoàn thiện pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải đáp ứng được các tiêu chí đánh giá yêu cầu hoàn thiện pháp luật như tính thống nhất; đồng bộ và toàn diện; tính khả thi và phù hợp với thực tiễn; tính công khai, minh bạch; phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam; tính hiệu quả và khả năng dự báo .v.v.. Tính thống nhất được đặt ra đối với cả hệ thống pháp luật cũng như đối với từng văn bản quy phạm pháp luật và quy phạm pháp luật; Hệ thống pháp luật được cấu tạo nên bởi các thành tố khác nhau, cho nên để bảo đảm được tính thống nhất của hệ thống pháp luật thì giữa các thành tố cấu tạo nên nó không được có sự mâu thuẫn, chồng chéo với nhau; Bất cứ một sự mâu thuẫn, chồng chéo nào xảy ra trong hệ thống pháp luật đều phải được phát hiện và loại khỏi hệ thống. Tính đồng bộ và toàn diện nghĩa là phải có đầy đủ chế định pháp luật và quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực quản lý; Không có các hiện tượng trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn lẫn nhau của các quy phạm pháp luật trong mỗi bộ phận và trong các bộ phận khác nhau của hệ thống pháp luật. Điều này đòi hỏi các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành không chỉ bảo đảm sự thống nhất,

hài hoà về nội dung mà còn phải bảo đảm tính thứ bậc của mỗi văn bản về giá trị pháp lý của chúng. Tính khả thi và phù hợp với thực tiễn thể hiện ở sự phù hợp của các văn bản quy phạm pháp luật mà đặc biệt là của các văn bản luật với các quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội là điều kiện vô cùng quan trọng bảo đảm cho tính khả thi và hiệu quả của pháp luật; Sự phù hợp của pháp luật với điều kiện chính trị của đất nước, mà quan trọng nhất là phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay phải thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được đề ra tại Đại hội lần thứ XII và các kỳ Đại hội trước của Đảng, thể chế hóa chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Đảng trong điều kiện đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mở cửa, hội nhập quốc tế. Tính công khai minh bạch thể hiện ngay từ giai đoạn thẩm tra, thẩm định dự thảo, giai đoạn thẩm định, thông qua dự thảo, đến giai đoạn ban hành, công bố pháp luật; Đảm bảo mọi người đều được biết, được tiếp cận pháp luật; Điều có thể nắm bắt được pháp luật; Các quy định pháp luật phải được quy định một cách dễ hiểu, dễ tiếp cận; Mọi người đều có thể nắm bắt được các quyền và nghĩa vụ của mình để tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tính ổn định, hiệu quả và khả năng dự báo; Đây là yêu cầu cần thiết, bởi không thể thường xuyên đảo lộn các quan hệ xã hội bằng việc thay đổi pháp luật. Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam; Tạo khung pháp luật thống nhất cho việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế và hoạt động tương trợ tư pháp, cũng như tạo cơ chế để bảo đảm thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự gắn với cải cách hành chính và cải cách tư pháp

Thể chế hóa kịp thời đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII vừa bế mạc ngày 28/01/2016. Trước mắt, tiếp tục thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống

pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Thực hiện tốt tinh thần Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo. Trên cơ sở thực tiễn áp dụng pháp luật về thi hành án dân sự; Cần nghiên cứu, tổng hợp, phân tích đề ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế. Kiện toàn tổ chức, bộ máy Cơ quan thi hành án; tuyển dụng đủ số lượng biên chế được giao, bảo đảm chất lượng cán bộ có chức danh tư pháp, phân bổ biên chế hợp lý cho các đơn vị, địa phương; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, công chức [25, tr.3].

Hoàn thiện pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải đảm bảo sự gắn kết giữa hoạt động xét xử và thi hành án dân sự, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và quy định rõ hơn vai trò, trách nhiệm của Tòa án, Viện kiểm sát và Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động thi hành án dân sự để bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật được thi hành có hiệu quả, thực chất, bền vững.

Hoàn thiện pháp luật về các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải phù hợp với chủ trương cải cách hành chính nói chung, cải cách hành chính về đất đai, về thủ tục thi hành án nói riêng, cải cách tư pháp, từng bước xã hội hoá hoạt động thi hành án, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự.

3.1.3. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về tổ chức thực hiện quyền lực và quyền tư pháp

Bảo đảm sự phù hợp của pháp luật thi hành án dân sự với các quy định của Hiến pháp năm 2013 về việc phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với các văn bản pháp luật khác có liên quan và sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp [21, tr.3].

Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của Tòa án nhân dân và Ủy ban nhân dân địa phương trong công tác thi hành án theo tinh thần Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân [3, tr.2].

Nâng cao chất lượng xét xử, thực hiện tốt việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử theo quy định; hạn chế tối đa bản án, quyết định bị huỷ, sửa do vi phạm quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm sát thi hành án; Đồng thời bảo đảm điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Cơ quan thi hành án [1, tr.3].

3.1.4. Bảo đảm nguyên tắc cưỡng chế

Bảo đảm nguyên tắc cưỡng chế là nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ hoạt động thi hành án dân sự cần được quán triệt sâu sắc. Do đó, các quy định của pháp luật thi hành án dân sự về các biện pháp cưỡng chế phải được các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên có trách nhiệm tổ chức thi hành nghiêm chỉnh, triệt để nhằm thi hành các bản án, quyết định của tòa án; kiên quyết xử lý những vi phạm theo

pháp luật từ phía cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cưỡng chế.

Quan triệť quan điểm này, cần phải tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án dân sự trong đó có chế định pháp luật về cưỡng chế, các văn bản pháp luật liên quan để áp dụng tốt pháp luật thi hành án dân sự về cưỡng chế nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập trật tự và nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự; đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; phát huy tính tích cực, chủ động của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và tăng cường sự tham gia của nhân dân, các tổ chức xã hội vào quá trình thực hiện pháp luật thi hành án dân sự.

3.1.5. Đảm bảo hiệu lực thi hành bản án, quyết định của Tòa án, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật phát sinh hiệu lực trong thực tế đời sống xã hội cần phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả áp dụng pháp luật thi hành án dân sự. Việc bảo đảm áp dụng pháp luật thi hành án dân sự phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố cơ chế tổ chức, bộ máy, quản lý, đội ngũ Chấp hành viên, cán bộ làm công tác thi hành án dân sự; sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; tinh thần trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan; ý thức chấp hành, tôn trọng pháp luật của các đương sự và các điều kiện kinh tế - xã hội,...

Để bảo đảm hiệu lực thi hành của bản án, quyết định của Tòa án, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác, trước hết là nâng cao việc chấp hành pháp luật về thi hành án dân sự: các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, tránh tình trạng trì trệ, quan liêu, sách nhiễu, gây phiền hà cho các bên đương sự, người có quyền, lợi ích liên quan, đặc biệt, phải gắn với việc đổi mới thủ tục thi hành án dân sự, bảo đảm việc thi hành án nhanh chóng, hiệu quả, đúng pháp luật.

3.1.6. Củng cố cơ chế phối hợp trong áp dụng các biện pháp cưỡng chế

Để đảm bảo cho việc áp dụng tốt pháp luật về cưỡng chế, đòi hỏi phải có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị có liên quan và của mỗi công dân. Đặc biệt trong lĩnh vực thi hành án dân sự, ngoài Chấp hành viên là người được nhà nước giao trách nhiệm chỉ đạo tổ chức phối hợp các cơ quan trong việc thi hành án dân sự ở địa phương; cơ quan Công an có trách nhiệm lập kế hoạch bảo vệ cưỡng chế, bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết để giữ gìn trật tự, bảo vệ hiện trường, kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi tẩu tán tài sản, hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án, tạm giữ người chống đối, khởi tố vụ án hình sự khi có dấu hiệu phạm tội; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên theo quy định của pháp luật... Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện cho công tác thi hành án dân sự.

Để tổ chức thi hành dứt điểm các bản án khó, đối tượng có điều kiện thi hành án nhưng cố tình chống đối, chây ỳ, cơ quan thi hành án dân sự phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết. Để đảm bảo các biện pháp này được thực thi tốt, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan hữu quan như Công an, Viện kiểm sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự để đảm bảo phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào việc cưỡng chế.

Trong điều kiện hiện nay, phải đặt công tác thi hành án dân sự đặc biệt là công tác cưỡng chế trong tổng thể hoạt động triển khai các nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì mới thấy hết ý nghĩa của cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp này. Sự kết hợp giữa vai trò chủ động, nâng cao trách nhiệm của cơ quan Thi hành án dân sự, bảo đảm các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được tôn trọng, thi hành triệt để sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ủy ban nhân dân các cấp, sự phối hợp của các cơ quan tổ chức có liên quan tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao ý thức trách nhiệm của cả cộng đồng trong hoạt động thi hành án dân sự.

3.1.7. Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự

Hoạt động thi hành án dân sự mang bản chất của hoạt động hành chính, hoạt động tư pháp hay hoạt động hành chính tư pháp thì đều là hoạt động của cơ quan nhà nước và sử dụng quyền lực nhà nước để thực thi nhiệm vụ. Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự là nội dung vô cùng quan trọng, cần thiết và phù hợp với chiến lược cải cách hành chính, cải cách tư pháp và phù hợp với sự phát triển của xã hội; Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự góp phần làm giảm sự quá tải hiện nay ở các cơ quan thi hành án của Nhà nước, một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến sự tồn đọng một số lượng lớn án dân sự trong thời gian qua. Ở đây, có thể hiểu nội dung xã hội hóa công tác thi hành án dân sự theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là xã hội hóa một số công việc thi hành án để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước [3, tr.6]. Như vậy, cần hoàn thiện quy định pháp luật về xã hội hóa một số hoạt động thi hành án dân sự; Theo đó, xã hội hóa công tác thi hành án dân sự chính là huy động toàn xã hội cùng tham gia vào công tác thi hành án trong một số hoạt động thi hành án theo quy định của pháp luật; Xã hội hóa một số hoạt động thi hành án dân sự nhằm thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, văn minh, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền của cơ quan tổ chức và mọi công dân.

Xã hội hóa một số công việc thi hành án dân sự thông qua chế định thừa phát lại là việc cần thiết, song vẫn phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc quyền lực Nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Vì vậy cần phải được nghiên cứu kỹ, xác định những khâu nào được xã hội hóa, những công việc gì được và không được giao cho tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan Nhà nước thực hiện. Trong đó, hướng dẫn về điều kiện tổ chức, cá nhân có thể thực hiện một số công việc thi hành án, phạm vi, nội dung xã hội hóa, hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan Nhà nước thực hiện.

3.2. Yêu cầu đối với việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương của Đảng, của Nhà nước về nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự; trên cơ sở lý luận chung về áp dụng pháp luật; căn cứ vào đặc điểm tình hình địa phương và thực trạng áp dụng pháp luật về thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm bảo đảm áp dụng pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

3.2.1. Bảo đảm chặt chẽ về mặt thủ tục trong cưỡng chế

Thi hành án là một quá trình gồm nhiều thủ tục pháp lý liên quan chặt chẽ với nhau. Thủ tục ban đầu làm tiền đề cho thủ tục tiếp theo. Thủ tục ban đầu chặt chẽ, thì thủ tục tiếp theo đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Luật bồi thường Nhà nước có hiệu lực có ngày 01/1/2010 là một cơ sở pháp lý quan trọng cho công dân yêu cầu cơ quan thi hành án, người làm công tác thi hành án gây thiệt hại cho công dân, cơ quan, tổ chức (đương sự, người có quyền lợi liên quan) trong quá trình tác nghiệp phải bồi thường. Nhưng hiện nay, thu nhập của người làm công tác thi hành án, nhất là Chấp hành viên thường phụ thuộc rất nhiều vào đồng lương căn bản, thì khả năng bồi thường của Chấp hành viên là rất khó khăn, nếu xảy ra việc bồi thường thì chắc chắn Chấp hành viên sẽ không còn lòng nhiệt huyết và tinh thần để gắn bó với ngành thi hành án dân sự nữa. Do vậy, để hạn chế đến mức thấp nhất việc phải bồi thường trong quá trình tác nghiệp, Chấp hành viên bắt buộc phải thực hiện việc đảm bảo chặt chẽ về mặt thủ tục thi hành án nói chung và trong quá trình cưỡng chế nói riêng.

Ngoài ra, cưỡng chế thi hành án là một biện pháp nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người phải thi hành án. Do vậy, việc khiếu nại, tố cáo trước, trong và sau khi cưỡng chế thường xuyên xảy ra. Nếu thủ tục ban đầu Chấp hành viên không thực hiện được một cách đầy đủ và đúng pháp luật, thì khi có khiếu nại phát sinh, cơ quan Thi hành án không có cơ sở bác bỏ khiếu nại của đương sự, buộc phải công nhận khiếu nại là đúng thì dẫn đến phát sinh kiện tụng.

3.2.2. Thực hiện đầy đủ các bước chuẩn bị trước khi cưỡng chế

Quá trình thực hiện cưỡng chế không cho phép Chấp hành viên kéo dài thời gian; muốn vậy, Chấp hành viên phải có công tác chuẩn bị cưỡng chế thật tốt trước khi thực hiện việc cưỡng chế.

Trong thời gian diễn ra việc cưỡng chế, Chấp hành viên và những người tham gia đoàn cưỡng chế luôn phải đối mặt với những khó khăn, nguy hiểm nhất định. Nếu thời gian cưỡng chế càng kéo dài thì nguy cơ xảy ra càng nhiều hơn.

Hơn nữa, người bị cưỡng chế luôn có những hành vi, biện pháp chống đối việc tổ chức thi hành án. Nếu Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế không thành công sẽ tạo tâm lý xem thường pháp luật của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhất là ý nghĩa, mục đích giáo dục pháp luật của việc cưỡng chế trong quần chúng nhân dân sẽ không đạt được.

Công tác chuẩn bị trước khi cưỡng chế rất là quan trọng, khi cần thiết hoặc xảy ra bất kỳ tình huống nào, nếu có sự chuẩn bị tốt, Chấp hành viên sẽ dễ dàng xử lý và chỉ huy cuộc cưỡng chế diễn ra được thuận lợi.

Khi thực hiện việc cưỡng chế, Chấp hành viên phải luôn là người chỉ huy và chịu trách nhiệm chính trong buổi cưỡng chế, vì vậy, Chấp hành viên phải thực hiện đầy đủ các bước cho buổi cưỡng chế thì việc cưỡng chế mới có nhiều cơ hội thành công.

3.2.3 Bảo đảm an toàn, hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện cưỡng chế

Cưỡng chế không thể được xem là thành công khi trong quá trình cưỡng chế có hậu quả xấu xảy ra cho những người tham gia tổ chức cưỡng chế hoặc đương sự, người có quyền lợi liên quan. Cho nên, trước, trong và sau khi tổ chức cưỡng chế cần phải chú trọng một số biện pháp sau:

- Chú trọng công tác giáo dục, thuyết phục, động viên và tạo điều kiện cho người phải thi hành án tự nguyện thi hành án; quan tâm giải thích đề đương sự hiểu biết nhằm thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các bên đương sự thỏa thuận về việc thi hành án nhằm hạn chế các xung đột giữa các bên; tổ chức tốt công tác tiếp

dân để giảm thiểu tình trạng khiếu nại, tố cáo của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Trường hợp bản án, quyết định có những điểm chưa rõ để thi hành, không phù hợp với thực tế hoặc cần được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì yêu cầu Tòa án có văn bản giải thích, đính chính và yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với những vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về mặt an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương cần báo cáo Ban chỉ đạo thi hành án dân sự. Những vấn đề vướng mắc về nghiệp vụ thi hành án thì thỉnh thị ý kiến của cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời.

- Đối với những trường hợp bản án, quyết định của Tòa án bị đương sự khiếu nại gay gắt thì việc tổ chức cưỡng chế hết sức thận trọng. Trước khi tổ chức cưỡng chế cần chú ý nắm chắc địa bàn (địa hình, giao thông...), tình hình của đương sự (nhân thân, nhân khẩu, ý thức chấp hành pháp luật...), dự liệu các tình huống (nhất là trong trường hợp có khả năng gây hỏa hoạn, cháy nổ, sát thương...) để bố trí phương tiện, lực lượng và có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo việc cưỡng chế được an toàn, hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan hữu quan để tranh thủ sự đồng tình và thống nhất biện pháp giải quyết đối với các vấn đề phát sinh.

- Khi tổ chức cưỡng chế, bên cạnh việc lập các biên bản cần thiết theo quy định của pháp luật, còn phải sử dụng phương tiện (máy ảnh, máy quay phim, máy ghi âm...) để ghi lại diễn biến việc cưỡng chế, nhất là đối với vụ việc phức tạp.

- Các tài liệu có ghi trong hồ sơ thi hành án phải đầy đủ, chắc chắn, thể hiện đúng kết quả thi hành án làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thuận lợi, chính xác, khách quan.

Trên đây là những bài học kinh nghiệm cần rút ra trong cưỡng chế, nếu Chấp hành viên thực hiện đúng và đầy đủ theo những bài học kinh nghiệm này thì chắc chắn, việc cưỡng chế sẽ được an toàn, thuận lợi và có hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện một việc phải thi hành án.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội

Từ thực tiễn áp dụng pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

3.3.1. Nâng cao năng lực cơ quan thi hành án

Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó cần chú trọng nâng cao vai trò hơn nữa của cơ quan Thi hành án dân sự, đội ngũ Chấp hành viên bảo đảm tương xứng với vị trí của các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương như Tòa án, Viện kiểm sát... mà trước hết cần tăng cường thêm chỉ tiêu Chấp hành viên cho các cơ quan thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Kiến nghị Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự cần hỗ trợ đầy đủ, kịp thời kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc cho cơ quan thi hành án dân sự, đặc biệt là xây dựng trụ sở làm việc và hệ thống kho tàng vật cho các cơ quan Thi hành án dân sự.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quan tâm giải quyết đất đai cho các cơ quan Thi hành án dân sự trụ sở làm việc, kho vật chứng, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các cơ quan thi hành án dân sự; tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành của Cục thi hành án dân sự thành phố và Chi cục thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã; tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự với các cơ quan tư pháp và các cơ quan hữu quan ở địa phương; kiện toàn Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp nhằm chỉ đạo tốt công tác thi hành án dân sự nhất là việc tổ chức cưỡng chế các vụ án lớn, phức tạp; phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thi hành án dân sự chỉ đạo Cục thi hành án dân sự thành phố tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật; kịp thời khắc phục những thiếu sót và sai phạm trong công tác thi hành án dân sự.

Cục Thi hành án dân sự thành phố phân công lãnh đạo, Chấp hành viên trực tiếp tổ chức thi hành án và theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với các Chi

cục thi hành án dân sự các quận, huyện, thị xã. Hàng năm, thông qua hoạt động thực tiễn công tác thi hành án dân sự phải tổng kết đánh giá các chuyên đề lĩnh vực mà khi tiến hành tổ chức thi hành án dân sự gặp phải khó khăn, đề xuất với Ban chỉ đạo thi hành án dân sự, Tổng cục thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp và Chính phủ sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự. Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong thi hành án dân sự theo hướng rút ngắn thời gian thi hành án dân sự đối với loại án đơn giản; đối với vụ việc phức tạp, cần kịp thời tham mưu cho Ban chỉ đạo thi hành án dân sự có giải pháp xử lý kịp thời.

3.3.2. Nâng cao năng lực của đội ngũ Chấp hành viên

Để nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ Chấp hành viên, Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội phải thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ thi hành án dân sự, đặc biệt là đội ngũ Chấp hành viên. Thường xuyên quan tâm tăng cường tới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức thi hành án dân sự cả về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án dân sự. Kết hợp đào tạo với việc đẩy mạnh tiêu chuẩn hóa đối với đội ngũ Chấp hành viên, trong đó xác định rõ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức lối sống. Trong quy hoạch, đào tạo Chấp hành viên cần tính đến cán bộ trẻ, cán bộ có bằng đại học các chuyên ngành khác nhất là tài chính kế toán hoặc đưa đi học văn bằng 2 về các ngành liên quan như tài chính, đất đai, xây dựng, ngoại ngữ, tin học nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác thi hành án dân sự và hội nhập kinh tế quốc tế.

Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, Chi cục trưởng thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành về thi hành án dân sự để những thiếu sót vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự không còn tái diễn trở lại. Trước mắt, cần tập trung chỉ đạo điều hành và tăng cường kiểm tra đôn đốc các Chấp hành viên thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc xác minh, phân loại vụ việc có điều kiện thi hành và chưa có điều kiện thi hành, phân loại lên kế hoạch thi hành những vụ việc phải cưỡng chế đặc biệt các vụ án lớn, phức tạp. Phát hiện và kiểm điểm nghiêm túc đối với các

Chấp hành viên có hành vi, biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm trong việc xác minh, tổ chức thi hành án dẫn đến khiếu kiện kéo dài....

Cần tăng cường hơn nữa việc luân chuyển cán bộ công chức, đặc biệt đội ngũ công chức là Chấp hành viên giữa các cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, đặc biệt là tăng cường đội ngũ Chấp hành viên cho những đơn vị có lượng án phải thi hành lớn.

Cần có cơ chế bảo đảm án toàn cho tính mạng, sức khỏe của Chấp hành viên và gia đình khi thi hành công vụ, đặc biệt là đối với những vụ việc cưỡng chế khó khăn, phức tạp.

3.3.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự, trước hết, về phía cấp ủy Đảng thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của các Ban chỉ đạo thi hành án dân sự; kịp thời chấn chỉnh hoạt động, lề lối làm việc của các Ban chỉ đạo thi hành án dân sự; kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất với Trung ương những vướng mắc về cơ chế chính sách mà Ủy ban nhân dân và ban Chỉ đạo thi hành án dân sự không giải quyết được.

Về phía Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã cần nhận thức việc thành lập Ban chỉ đạo thi hành án dân sự là hết sức cần thiết và là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã mà trực tiếp là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã làm Trưởng Ban chỉ đạo thi hành án dân sự nhằm huy động sức mạnh tổng hợp trong chỉ đạo và tạo sự đồng thuận, phối hợp trong công tác thi hành án dân sự nhằm khắc phục những khó khăn và giải quyết dứt điểm vụ việc tồn đọng

Các cơ quan thi hành án dân sự là cơ quan thường trực tham mưu xây dựng nội dung, chương trình làm việc và chuẩn bị đầy đủ nội dung cho Ban chỉ đạo họp nhằm mục đích duy trì hoạt động của các Ban chỉ đạo thi hành án dân sự một cách thường xuyên, liên tục theo từng tháng, quý, năm có như vậy hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự mới thực sự có hiệu quả cao.

3.3.4. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự

Xác định rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo cần được quan tâm, thực hiện nghiêm túc hơn nữa, nhất là các quy định của Luật tiếp công dân năm 2013, Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hạn chế mức thấp nhất bất cập, tồn tại cần triển khai thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Cần tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự phải củng cố và chấn chỉnh công tác tiếp dân, trong đó:

- + Lãnh đạo các cơ quan Thi hành án dân sự phải thực hiện việc tiếp dân ít nhất một lần trong một tuần.

- + Cần bố trí cán bộ có đủ năng lực, trình độ, năng lực và phẩm chất đảm nhiệm chức năng tiếp dân; bố trí địa điểm thích hợp để tiếp công dân; thực hiện nghiêm túc quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân.

- + Cần nâng cao trách nhiệm và chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo: lãnh đạo cơ quan thi hành án dân sự phải bố trí đủ về số lượng và những Thẩm tra viên có năng lực, tâm huyết, có trách nhiệm để làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không chỉ nắm vững thủ tục giải quyết khiếu nại để giải quyết đúng về hình thức, mà nắm vững về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự và các quy định của pháp luật liên quan để giải quyết thấu đáo về mặt nội dung và nâng cao chất lượng của các quyết định giải quyết khiếu nại, các kết luận nội dung tố cáo.

Việc giải quyết phải thực hiện đúng phương châm: nếu sai thì kiên quyết sửa, nếu đã giải quyết đúng thì phải kiên quyết thi hành, nếu việc giải quyết có vướng mắc về pháp luật thì tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo cần làm rõ nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo để có biện pháp chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước, xác định rõ trách

nhiệm, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức do thiếu trách nhiệm gây nên khiếu nại, tố cáo cũng như thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3.3.5. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan trong việc áp dụng pháp luật thi hành án dân sự

Công tác thi hành án dân sự là hoạt động mang tính thực tiễn, gắn bó chặt chẽ với cơ sở, liên quan trực tiếp đến tài sản của đương sự, có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống người phải thi hành án và gia đình; liên quan đến nhiều cơ quan Nhà nước khác nhau như Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Thuế, Tài chính, Tài nguyên môi trường, Xây dựng, Ngân hàng, Kho bạc, Bảo hiểm,... Và có ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh, chính trị của địa phương, do đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan trong việc áp dụng pháp luật thi hành án dân sự nhất là trong hoạt động cưỡng chế THADS, trong đó:

- Đối với Ủy ban nhân dân thành phố: tiếp tục kiện toàn hơn nữa Ban chỉ đạo thi hành án dân sự, có kế hoạch công tác cụ thể, thường xuyên, liên tục và chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Đồng thời, chỉ đạo Ban chỉ đạo THADS các quận, huyện, thị xã việc tổ chức phối hợp các cơ quan liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

- Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: Rà soát kiện toàn Ban chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện; xây dựng và triển khai kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo; duy trì chế độ giao ban thường xuyên nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện.

- Đối với các sở ban ngành, cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Thi hành án dân sự trong công tác thi hành án dân sự.

3.3.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự đảm bảo thực hiện pháp luật thi hành án dân sự nghiêm minh

Để thực hiện pháp luật thi hành án dân sự có hiệu quả thì cần thiết phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự. Các cơ quan Thi hành án dân sự cần phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, đặc biệt là các văn bản pháp luật về thi hành án. Việc tuyên truyền phải được tiến hành thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng, từng vùng, miền nhằm nâng cao ý thức pháp luật là cơ sở, nâng cao nhận thức về pháp luật thi hành án dân sự cho nhân dân, cho người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án dân sự, mặt khác, tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật về thi hành án dân sự giúp nhân dân và những người có liên quan đến thi hành án dân sự hiểu rõ được các quyền, nghĩa vụ của mình và nhận thức rõ bản án, quyết định về dân sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được nghiêm chỉnh thi hành.

3.3.7. Xã hội hóa một phần công tác thi hành án dân sự

Xã hội hóa công tác thi hành án dân sự là một chủ trương lớn, một vấn đề cần được quan tâm trong tổng thể quá trình xã hội hóa, trong đó việc thực hiện thí điểm, chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 107/2015/QH13 của Quốc hội nhằm thực hiện xã hội hóa một phần công tác thi hành án dân sự. Trong điều kiện hiện nay, việc xã hội hóa từng bước thi hành án dân sự là cần thiết vì nó mang lại những lợi ích sau đây:

- + Việc xã hội hóa giảm tải khối lượng công việc của cơ quan Thi hành án dân sự, giảm tải việc tổ chức cưỡng chế đang ngày càng tăng lên không ngừng, góp phần giải quyết tình trạng tồn đọng án, tạo điều kiện để cơ quan thi hành án dân sự tinh lọc, kiện toàn, tinh giản biên chế, làm gọn nhẹ bộ máy, tiết kiệm một cách đáng kể cho ngân sách Nhà nước.

- + Thực hiện xã hội hóa sẽ giúp cho việc nâng cao chất lượng thi hành án dân sự trong đó có hoạt động cưỡng chế THADS; làm thay đổi phong cách, lề lối làm việc, thái độ phục vụ, khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, những nhiễu nhân dân; tạo thêm khả năng lựa chọn cho người dân phù hợp với điều kiện, khả năng cụ thể của mình.

3.3.8. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Để nâng cao nhận thức về trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, tạo thói quen làm việc trên môi trường mạng nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đổi mới phương thức cung cấp thông tin, dịch vụ công cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước cần cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời trên Trang thông tin điện tử về văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, hướng dẫn nghiệp vụ, hỏi đáp pháp luật, dự án đầu tư, đấu thầu mua sắm công.

Tăng cường quản lý, chỉ đạo, điều hành; từng bước chuyển sang làm việc dựa trên văn bản điện tử và môi trường mạng; khai thác triệt để các ứng dụng của phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hộp thư điện tử được cấp, các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; sử dụng mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn.

Kết luận chương 3

Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội phải được đặt trong mối quan hệ giữa định hướng hoàn thiện pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự và hoàn thiện cơ chế áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự từ đó nâng cao hiệu quả cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Định hướng hoàn thiện pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự phải được coi trọng, việc xây dựng hệ thống pháp luật THADS trong đó có chế định pháp luật về cưỡng chế cần được tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, chế định pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự cần đảm bảo nguyên tắc của cưỡng chế, tính hiệu lực thi hành bản án, quyết định của Tòa án, quyền lợi ích của đương sự nhằm củng cố cơ chế phối hợp trong áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Bởi cưỡng chế không chỉ là công tác chuyên môn nghiệp vụ đơn thuần của cơ quan THADS mà còn mang ý nghĩa chính trị xã hội rộng lớn. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế nói chung và cưỡng chế trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng cần đảm bảo chặt chẽ về mặt thủ tục, được thực hiện đầy đủ các bước chuẩn bị trước khi thực hiện, bảo đảm an toàn,

hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện. Thực hiện tốt những điều này, việc cưỡng chế sẽ được an toàn, thuận lợi và có hiệu quả tốt.

Trên tổng thể hoàn thiện và áp dụng thể chế, nhằm nâng cao hiệu quả cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội, cần phải nâng cao năng lực của cơ quan thi hành án, đội ngũ Chấp hành viên, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, tăng cường phối hợp giữa cơ quan thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan trong việc áp dụng pháp luật thi hành án dân sự, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự và cần thiết phải thực hiện xã hội hóa một phần công tác thi hành án dân sự.

KẾT LUẬN

Thi hành án dân sự là hoạt động quan trọng đảm bảo hiệu lực của các bản án, quyết định trên thực tế, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án có một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu lực của các phán quyết dân sự của Tòa án. Hiệu quả của việc cưỡng chế là cơ sở, tiền đề cho sự thành công, hiệu quả của một vụ thi hành án về tài sản khi đương sự không tự nguyện thi hành.

Từ thực tế công tác thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm qua cho thấy việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án cũng còn những tồn tại, hạn chế nhất định. Do đó, yêu cầu phải hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nói chung, quy định về các biện pháp cưỡng chế là một yêu cầu cấp thiết nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên có căn cứ pháp lý cụ thể, rõ ràng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự nói riêng và việc bảo đảm cho một trật tự pháp luật của Nhà nước nói chung.

Qua việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng các biện pháp cưỡng chế, chúng ta thấy còn khá nhiều hạn chế, để khắc phục những hạn chế, cần phải có những giải pháp đồng bộ và khả thi, cụ thể như: Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thi hành án dân sự đặc biệt là trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự. Cần có sự đối chiếu quy định về cưỡng chế thi hành án dân sự giữa các văn bản để khắc phục những quy định chưa đồng bộ, bổ sung những khoảng trống chưa được pháp luật điều chỉnh. Đảm bảo sự thống nhất các quy định trong từng văn bản cũng như giữa các văn bản pháp luật. Trên cơ sở hiện thực hóa các biện pháp xử lý cụ thể đó là kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan thi hành án dân sự; nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội; nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện, và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, phát huy được tính tích cực của việc xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực của xã hội để đưa ngành THADS lên một tầm cao mới, hy vọng sẽ nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp cưỡng chế trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới tư duy, hoàn thiện khung pháp luật và cơ chế áp dụng sẽ tạo những tác động thực tế đến việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành bản án, quyết định của Tòa án, góp phần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; thúc đẩy công cuộc cải cách tư pháp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành trung ương (2014), *Số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh xã hội - Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2014), *Số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 14/01/2014 hướng dẫn việc cung cấp thông tin về tài khoản, thu nhập của người phải thi hành án và thực hiện phong tỏa, khấu trừ để thi hành án*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự*, Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp - Bộ Công an (2012), *Số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 quy định cụ thể việc phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong thi hành án dân sự*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2015), *Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự*, Hà Nội.
8. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2012), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2012*, Hà Nội.
9. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2013), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2013*, Hà Nội.
10. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2014), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2014*, Hà Nội.
11. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2014), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2015*, Hà Nội.

12. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (2015), *Tài liệu Hội nghị triển khai công tác thi hành án dân sự năm 2016*, Hà Nội.
13. Lê Thu Hà (Chủ biên) (2012), *Giáo trình kỹ năng thi hành án dân sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
14. Huỳnh Minh Khánh (2013), *Trao đổi về một số vướng mắc trong công tác thi hành án dân sự*, Dân chủ và pháp luật, (số 1), tr.46-51.
15. Nguyễn Đình Kiên (2016), *Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự liên quan đến đất ở theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương*, luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội
16. Nguyễn Văn Luyện - Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên) (2012), *Sổ tay nghiệp vụ thi hành án dân sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. Lê Đình Nam (2012), *Biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội*, luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.
18. Lưu Bình Nhưỡng (2015), *Xã hội hóa công tác thi hành án theo tinh thần cải cách tư pháp*, Dân chủ và pháp luật, (số 7), tr11-16.
19. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
20. Quốc hội (2008), *Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2013), *Luật Đất đai*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2014), *Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2015), *Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 về việc thực hiện chế định thừa phát lại*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2015), *Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo*, Hà Nội.
26. Trần Phương Thảo (2007), *Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự*, Tạp chí luật học (số 7), tr.43-50.